

Chữ nghĩa làng văn

“Chữ nghĩa làng văn” đôi khi chỉ là một chữ, cụm từ, đoạn văn cô đọng, diễn nghĩa, diễn giải một áng thơ văn hoặc một thể tài nào đó. Những trích dẫn được gộp nhặt qua sách vở, trên mạng lưới của nhiều tác giả thành danh hay khuyết danh, không ngoài góc nhìn tận tìn thư bất như vô thư. Ấy là chưa kể nhiều từ ngữ, đề mục trong bộ sưu tập đang còn trong vòng nghi vấn, cần phải thẩm định lại nếu có thể được với những bậc thức giả văn kiến súc tích. Những phụ chú, dẫn chứng hay giai thoại do người viết kể lại, với chủ quan, khách quan chỉ cách nhau một sợi tóc. Vì vậy người sưu tầm không đặt ra “sai” hay “đúng”, vì cái sai hiện tại có thể là cái đúng ở một thời điểm nào khác. Xin chân thành cảm tạ và cáo lỗi những tác giả đã đóng góp bài vở trong sưu tập này, nhưng vì phương tiện eo hẹp nên người sưu tầm không thể thỉnh ý tác giả trước khi đăng tải – Ngô Không Phi Ngọc Hùng.

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Cửa. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại.

Càn: trời

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Cửa)

Chữ Việt cổ (IV)

Sau nhiều năm khảo sát, nghiên cứu những hình vẽ, chữ viết trên đá cổ Sa Pa, giáo sư Lê Trọng Khánh đã công bố :

Trên 200 bản khắc trên đá cổ Sa Pa (190 tảng còn lại, gần 20 tảng bị phá), tôi thấy chữ viết đồ họa thuộc tiền văn tự, duy nhất chỉ một tảng ở Tả Van là có chữ. Đây là loại hình chữ “khoa đầu”, các ký tự này đồng nhất với chữ viết của người Thái đen Tây Bắc. Điều đó cho phép ta giải mã và hiểu được những ký tự trên đá cổ Sa Pa. Những chữ viết hình vẽ này đã vượt qua giai đoạn vẽ hiện thực nguyên thủy và đã tiến tới chữ biểu ý đầu tiên. Vì vậy có thể coi đây là loại hình chữ viết biểu ý có thể đọc được. Theo quan điểm của văn tự học hiện đại qui định thì chữ viết hình vẽ – văn tự đồ họa Sa Pa truyền đạt cả ý cả câu – chữ viết ghi câu. Như vậy ta có thể giải mã được ý nghĩa chữ viết trên đá cổ Sa Pa một cách khoa học.

Toàn bộ có trên 30 chữ, một số chữ bị mất hoàn toàn, đặc biệt là mất gần hết các dấu ở vị trí trên và dưới chữ, điều đó làm cho việc giải mã gặp rất nhiều khó khăn, trong khi ta chưa có điều kiện kỹ thuật để phục hồi những chữ đã mất.

(Trần Văn Hạc – Chữ Việt cổ)

Bạch dương

Trong thơ có câu;

Đường quan chiều bóng ngã bạch dương
Rộ lòng lữ khách vương vương lối sào

Bạch dương là cây dương liễu trồng những nơi có cát và xứ lạnh. Lá mặt xanh, mặt trắng nên được gọi là *bạch dương*.

Tiếng lóng mới ở trong nước

- Lác : ba xạo.

- **Đeo** : có nghĩa là mỗi chài ai được món đồ gì đó.
Ví dụ : con nhỏ đó mới **đeo** được thăng bồ nó chiếc xe Honda.
- **Nhào** : ồng ẹo, điệu đàng, làm dáng, không được tự nhiên.
Ví dụ : nhỏ đó nói chuyện **nhào** quá trời.

(Nguồn: Thanhda.com)

Truyện hậu hiện đại (5-A)

Nếu nghệ thuật *tự sự* Việt Nam là chuyện, thì có thể nói nghệ thuật *tự sự* hậu hiện đại trên thế giới là tính chất *phi-chuyện*:

Đó là truyện không cần có chuyện, truyện được xây dựng trên cái gọi là phản-tiểu thuyết (antifiction), siêu tiểu thuyết (surfiction), tiểu thuyết mới (nouveau roman). Tiểu thuyết hậu hiện đại là một nỗ lực phản-chuyện, từ đó làm nảy sinh hiện tượng truyện-trong-truyện hay truyện-về-truyện. Cũng như làm xuất hiện vai trò của tác giả như một kẻ trực tiếp tham dự vào câu chuyện, và quan trọng hơn hết, hình thành thủ pháp siêu hư cấu (metafiction), tính chất hư cấu của câu chuyện, nhắc nhở người đọc về sự hiện hữu của câu chuyện như một sản phẩm nghệ thuật, qua đó, đặt nghi vấn về mối quan hệ giữa hiện thực và tiểu thuyết.

Từ đó, làm nảy sinh việc trích dẫn; việc sử dụng nhiều loại văn bản phi văn chương, từ nhật ký đến thư từ, bản tin cắt từ báo chí, thủ pháp collage, thủ pháp viết lại các văn bản cũ. Các truyện sáng tác theo phong cách hậu hiện đại đều có vẻ gì như vô lý và phi thực, bất chấp lối viết truyện truyền thống như sự mạch lạc trong cốt truyện và sự hợp lý trong tình tiết. Cả hai tính chất ấy cũng góp phần tạo thành một loại "*văn chương của sự phong dật*" (literature of replenishment) nói theo ngôn ngữ của John Barth, hay một loại "*văn chương du/đạo văn*" (literature of plagiarism), nói theo ngôn ngữ của Raymond Federman.

(Truyện: Một số vấn đề mỹ học - Nguyễn Hưng Quốc)

Triết lý củ khoai

Lúc bé, thích định nghĩa về tình yêu, tình yêu là X, là Y, là A,B,C,D; bây giờ lớn lại cuồng cuồng, vì hoang mang, không biết tình yêu thật sự là gì cả.

Truyện hậu hiện đại (5-B)

Trong cái gọi là nền văn chương của *sự phong dật* hay nền văn chương *du/đạo văn* ấy, người ta có thể sử dụng lại, thậm chí có thể viết lại, vô số các văn bản cũ. Tác phẩm văn học trở thành một bức tranh được cấu tạo bằng nhiều phần mảnh rút ra từ / hoặc được bắt chước từ / nhiều tác phẩm khác nhau. Trong tinh thần hậu hiện đại chủ nghĩa, nhà văn có thể sáng tạo bằng cách nhặt nhạnh những mảnh văn bản có sẵn và lắp ghép lại theo kiểu người ta làm tranh khảm (mosaic).

Duy chỉ có một đặc điểm quan trọng là: Bức tranh khảm bằng ngôn ngữ ấy không có khuôn sẵn. Cái khuôn ấy là điều mà mỗi nhà văn, khi sáng tác, phải tự tạo ra. Chính đặc điểm này, phân biệt *truyện hậu hiện đại* và *truyện truyền thống* Việt Nam: Một truyền thống kéo dài đến tận ngày nay, mọi người cầm bút dường như có một cái khuôn chung được đúc sẵn, ở đó, người ta chỉ làm mỗi một công việc đơn giản là "*rót*" câu chuyện của mình vào.

(Truyện: Một số vấn đề mỹ học - Nguyễn Hưng Quốc)

Lần lần

Lần lần : con thần lần

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

48 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Hoàng Cầm thời tiền chiến có khá nhiều bài thơ hay như: Bên kia sông Đuống, Lá diêu bông... Ngoài ra người ta biết đến ông với vở kịch thơ nổi tiếng Người Điên. Ông là một trong những tác giả khởi sự nền kịch thơ Việt Nam những năm 1945.

Thời kháng chiến ông cùng nhà biên kịch Hoàng Tích Linh lập ra đoàn kịch Đông Phương vào đầu thập niên 40 gồm: Vợ chồng nhạc sỹ văn Chung, Tuyết Khanh (vợ Hoàng Cầm), Trúc Lâm, Phạm Duy, Ngọc Bích... vở kịch đáng lẽ ra mắt công chúng vào tháng chạp năm 1946, nhưng vì cuộc kháng chiến chống Pháp, khiến vở kịch chỉ diễn dăm ba ngày rồi đình lại. Vở kịch với nhân vật chính tên là Kiều Loan, người khuyến khích chồng ra đi đánh đổ nhà Nguyễn để phục hồi nhà Tây Sơn, nhưng người chồng đã phản bội chạy theo Nguyễn ánh, nàng giã diên vào thành Phú Xuân đi tìm chồng... và sau đó tự vận chết trong tù..

Người đóng vai Kiều Loan là phu nhân nhà thơ: *nữ kịch sỹ Tuyết Khanh*. Bà đi theo Hoàng Cầm ra vùng kháng chiến *ông đổi tên vợ là Kiều Loan*, do đó sau này có cái tên khác là *vở kịch Kiều Loan*. Lúc đó người vợ có thai nên ở lại vùng trung du và Hoàng Cầm lên đường đi lưu diễn. Trong bữa cơm đạm bạc chia tay ở phố Nỉ (Bắc Giang) có Phạm Duy dự, nhà thơ không ngờ đây là lần cuối cùng ông không còn gặp lại vợ con. Suốt từ năm 1948-1954, bà nhiều lần viết thư cho Hoàng Cầm nhưng bất tin và đưa bé ra đời bà đặt tên là Bùi Thị Kiều Loan vì Hoàng Cầm tên thật là Bùi Tăng Việt sinh năm 1921 tại Bắc Ninh

Sau hiệp định Genève, Kiều Loan mẹ bé con di cư vào Nam sống, lúc ấy Kiều Loan con khoảng 6 tuổi, đến năm 1968 cô lấy chồng ở Sài Gòn. Năm 1975 thống nhất đất nước Hoàng Cầm vào Nam thăm vợ con, nhưng người vợ cũ đã di tản sang Mỹ.. chỉ còn đưa con gái ở lại, cha con gặp nhau bùi ngùi, nhưng vì xa cách quá cũng ít hàn huyên tâm sự nhiều, và đến năm 1982 thì Kiều Loan con cũng sang Mỹ đoàn tụ cùng người mẹ.

(Đi tìm người con gái trong vở kịch thơ của H. Cầm – Ngữ Yên)

Đặt lẽ quê thói với phong tục cổ truyền

Nhập gia vấn huy

Theo phép xã giao, trước khi đến thăm một gia đình cần tìm hiểu “tên huy” của ông bà cha mẹ và bản thân tên người mình định đến thăm, để tránh trong khi nói chuyện hoặc xướng họa thơ từ động đến tên huy gia tiên người ta “huy” đồng nghĩa với “ky” (tức là kiêng kỵ).

Ngày giỗ tức là huy nhật hay kỵ nhật. Tên huy là tên chính nhưng lại là tên kiêng nói đến, khi gặp nhau người ta đề tên huy ra mà chửi. Ông bà, cha mẹ, chú bác có thể gọi con cháu bằng thẳng họ con kia theo tên huy, kể cả những người cao tuổi trong làng xóm. Trong ngôn ngữ thông thường có trùng âm cũng phải nói tránh đi, nếu không sẽ bị coi là hỗn.

Ở miền Nam hay gọi tên theo thứ tự trong gia đình, nếu ra ngoài xã hội thì thường gắn tên huy. Ví dụ: Ông Bảy Lửa, chị Ba Tịch...

Chữ nghĩa tên trái cây

Có những tên trái cây gốc tích Mã Lai hoặc Cao Miên như:

Mãng cụt – Do chữ *Mong-kut*.

Sầu riêng – Do chữ Mã lai *Dou-rión*.

“*rión*” có thể đọc ra là “*riêng*”.

(Thái Văn Kiểm – Ai về Gia Định Đồng Nai thì về)

Tại sao gọi là rượu đế

Chuyện kể là trước khi người Pháp tới Việt Nam thì ngành nấu rượu đã có. Tuy nhiên, sau năm 1858 người Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam thì họ cũng quyết định thắt chặt việc nấu rượu và thu thuế. Bà con ta tất nhiên là không chịu nên ...nấu rượu lậu. Rượu lậu vừa rẻ lại vừa ngon hơn rượu của người Pháp, ở miền Nam thì được nấu bằng gạo nếp rồi đem giấu trong những *lùm tranh, lùm đế* ở xa nhà, hoặc khi thấy Tây đoan đến bắt, nghe động thì bê tất cả nồi rượu, bình rượu chạy vội dẫu dưới đồng cỏ hoang dại mọc toàn *cây đế*, một loài cây giống cỏ năn, cỏ lác, cỏ tranh, hay lau sậy mọc cao vút đầu.

Tên gọi *rượu đế* trong Nam xuất xứ từ đó.

(Nguồn: Bách khoa toàn thư)

Chữ nghĩa hiện thực

Tô canh lạnh lẽo nước trong veo.
Vài lát hành tây bé tẻo teo.
Nước chấm gọi là hơi gợn tí.
Thịt kho thái mỏng gió bay vèo.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

cử toạ

Về từ tổ cử, soạn giả nêu ra các nghĩa: cất lên, đưa lên, nổi dậy, thi đỗ; còn toạ thì có nghĩa là ngồi. Thực ra, chữ toạ 座 ở đây vốn có nghĩa là chỗ ngồi (khác với chữ toạ nghĩa là ngồi), và nghĩa mở rộng là người đang ngồi. Còn chữ cử 舉 thì, ngoài vài nghĩa mà soạn giả đã nêu, còn có nhiều nghĩa khác, trong đó có một nghĩa là tất cả, và đó chính là nghĩa của nó trong từ cử toạ.

Vì thế cho nên, cử toạ nghĩa là tất cả những người có mặt (mà thường là phải có chỗ ngồi hẳn hoi, để theo dõi hoặc bàn luận một vấn đề nào đó, còn nếu có mặt trong trạng thái đứng hoặc đi để biểu thị một điều gì đó thì khó có thể dùng từ cử toạ).

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Đã tới ngày tàn của sách (II)

Mới đây tôi (Song Thao) email hỏi nhà sách Việt Nam ở Toronto về sách. Tôi sửng sò: Nhà sách đã đóng cửa. Như vậy, kể từ năm 2011, Canada không còn một nhà sách nào nữa. Ở Vancouver đã không có sách từ lâu. Trước ở Montreal có hai nhà sách: Tự Do và Trung Việt. Cả hai chỉ còn là dĩ vãng.

Internet đang giết dần sách báo.

Báo văn học nay chỉ còn tờ Hợp Lưu. Những Văn, Văn Học, Thế Kỷ 21 của một thời ngày nào nay đã mờ yên mả đẹp.

Xuất bản thì còn nhà Văn Mới hoạt động cầm chừng. Những Sóng Mới, Xuân Thu, Đại Nam, Văn Nghệ đều đã ra nghĩa địa...

(Song Thao - Sách)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Hai ông bà: Không phải là hai ông, hai bà.

Mà chỉ là đúng một ông, một bà không thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

“Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

(*Chữ nghĩa làng văn* giữ nguyên chữ và câu cú, không...”nát bàn” với lời bàn Mao Tôn Cương)

Bầy hầy : bê bối, ở dơ

Bẹo = chưng ra, bệu (gốc từ cây bẹo gắn trên ghe để bán hàng ở chợ nổi ngày xưa)

Bẹo gan = chọc cho ai nổi điên, ứa gan

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

Phê bình

Phê bình đích thực không bao giờ là cây tầm gửi cả, nó tồn tại và độc lập với sáng tác. Vì nhà phê bình cũng là nhà văn, nhà văn lấy đời sống tạo nên tác phẩm. Nhà phê bình lại lấy chính tác phẩm của nhà văn để tạo dựng lên tác phẩm của mình.

Họ có thể có *một tác phẩm phê bình hay về một cuốn sách dở* và...ngược lại.

(Trần Đăng Khoa – Chân dung và đối thoại)

Chữ và nghĩa

"Khôn sống *bống* chết" thì *bống* đây là *vụng* (vụng về).

Theo ngôn ngữ học, xưa kia hai mẫu tự “b” và “v” thường hay thay thế cho nhau như “vua” nói là “bua”.

Chữ Nôm

Xưa kia, ta có tiếng nói nhưng không có văn tự, chữ Nôm (hay Nam nói trại ra) được hình thành bao giờ vẫn chưa biết. Chỉ biết rằng đời Trần, Nguyễn Thuyên (tức Hàn Thuyên) xếp đặt lại thành hệ thống. Do đó sau này nhiều người tưởng lầm Hàn Thuyên là cha đẻ của chữ Nôm.

Chữ Nôm được hình thành để có văn tự, để phát âm tiếng Việt từ chữ Hán. Thí dụ ta mượn chữ “*thiên*”, thêm một chữ nét dọc, sổ ngang khác nữa.

Người Tàu, người Đại Hàn, người Nhật thấy chữ này giống giống chữ thiên... Xin thưa: Ấy là chữ...“trời”.

(Tạ Quang Khôi – tạp chí Tân Văn)

Vũ phu đôi (1-A)

Cụ Nguyễn Khuyến có bài thơ Hán-Nôm là: Vũ phu đôi (1)

Đầu đường ngang có một chỗ lội (2)

Có miếu ông Cuội cao vòi vọi

Đàn bà đến đó vén quần lên

Chỗ tời đến háng, chỗ đến gối

Ông Cuội ngồi trông mỉm miệng cười

"Cái gì trông trắng giống con cúi"

Vội vàng khép nép đứng liền thưa:

"Trót dại hở hang xin xá tội!"

Ông rằng : "mày cũng chẳng tội gì"
Chỉ tội làm ông cứng con buội (3)
Muốn tốt mày về bảo làng mày:
"Ra đây ông cho giống ông Cuội"
Cho nên làng ấy sinh ra người
Sinh ra rặt những thằng nói dối!

Và có người dịch từ bản chữ Hán là: *Chỗ lội làng Ngang. (1)*

"Đầu làng Ngang có một chỗ lội (2)
Có đền ông Cuội cao vòi vọi
Đàn bà qua đấy xắn quần lên
Chỗ thì đến háng, chỗ quá gối
Ông Cuội ngồi trên mồm miệng cười
Cái gì trắng trắng giống con cúi
Đàn bà khép nép liền đứng thưa
Con trót hớ hênh ông xá tội
Không không! Con có tội chi mà
Lại đây ông cho giống ông Cuội
Từ đấy làng Ngang đẻ ra người (4)
Đẻ ra rặt những phường nói dối".

(Nguồn: Lại Quảng Nam)

Kiến *ngã* bắt vi

Một đôi khi còn thấy viết là kiến *ngã* bắt vi. "*Ngã*" không có nghĩa!?. "*Ngãi*" có thể là tiếng gọi của người miền Nam.

Trong *Lục vân tiên* của cụ Nguyễn Đình Chiểu có câu: "**Nhớ câu kiến nghĩa bắt vi – Làm người thế ấy cũng phi anh hùng**". "*Kiến nghĩa bắt vi*" hiểu theo nghĩa là thấy việc thiện mà không làm.

Vũ phu đôi (1-B)

Những sai biệt từ tựa đề đến cuối câu là:

1: "*Vũ phu*" thứ đá giống như ngọc. *Đôi* là đồng. Vì vậy tựa đề tạm dịch là *Đồng đá cuội*.

2: Câu thứ nhất nguyên bản là: *Hoành lộ phé cửu bất thành lộ*. Tạm dịch: Con đường ngang hoang phé không ra con lộ nữa (không có từ Làng Ngang trong này ...). Câu đầu dịch "Đầu làng Ngang có một chỗ lội" là không đúng với từ *Hoành lộ*.

3: Nguyên tác: *Nộ nhĩ hà cang ngã dương cụ* tạm dịch: "Chỉ giận mày làm ta cứng cả dương vật" với cang là cương. Dương cụ là cái của đàn ông và cụ nghĩa như trong từ công cụ, nông cụ. Cụ Tam nguyên Nguyễn Khuyến rất khéo khi dịch ra quốc âm dùng hai từ "con cúi" và "con buội" (dấu nặng).

4: Câu áp chót " Từ đấy làng Ngang đẻ ra người " không đúng với câu nguyên tác: *Cổ kim thử hương sinh xuất nhân*.

A - Nguồn *Quế Sơn thi tập tục biên*, bài thơ Hán-Nôm *Vũ phu đôi* có 14 câu. Trong khi bản dịch *Chỗ lội làng Ngang* chỉ có 12 câu.

B - Con đường ngang hư cũ trong câu đầu là con đường nối liền quốc lộ vào quê hương ông (làng Vị Hạ ,Vị Thượng), nếu dân muốn đi tắt về nhà thì phải lội qua một vũng nước sâu. Đây là một con đường băng ngang qua cánh đồng của làng Phú Đa. Hiểu là nơi ông ngụ cư không có làng nào tên là...làng Ngang.

(Nguồn: Lại Quảng Nam)

Ca dao tình tự

Nói đến ngoại tình

Có chồng càng dễ chơi hoang
Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai
Vắng hôm thời đã có mai
Chồng khi đi vắng, đã có ai ở nhà

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

Chữ quốc ngữ (3)

Chữ dùng viết bài thơ ba chữ dạy trẻ mẫu giáo của Trần Đà:

Chữ quốc ngữ
Chữ nước ta
Con cái nhà
Đều phải học
Miệng thì đọc
Tai thì nghe
Đừng ngủ nè
Chớ lấu tấu

(Trần Bích San – Văn Khảo)

Chữ Việt cổ

cái trặng : cái trạn
(Phạm Xuân Độ)

Cải tạo tiếng Việt

Sống ở Mỹ ảnh hưởng lối viết cắt xén chữ nghĩa trong ngôn ngữ nên đã có khá nhiều người lên tiếng hoặc tự cải cách viết tiếng Việt theo một lối riêng mà mạnh mẽ nhất là viết tắt. Nhà thơ Du Tử Lê sau những sáng kiến về thơ gạch chéo cũng đã cho in hẳn ngoài bì sách của ông cái tên với chữ thật lớn *K. Khúc Cửa Lê* mà không viết *ca khúc* như thường lệ.

Báo Văn Nghệ Tiền Phong lên tiếng châm biếm lối viết tắt này khi đưa ra những “dự phóng”:
K nhạc, H hong, C xich
Chan minh nhung lam b b
Lai cam bo đươc ma d chan nguoi

Những người ủng hộ lối viết tắt lý luận rằng người Mỹ viết *Toys R Us* (chữ R viết ngược), *BBQ*, *U R here*, *Open on Nite* thay cho *Toys are us*, *Barbecue*, *You are here*, *Open all night* mọi người vẫn hiểu. Không những viết mà khi đọc họ cũng bỏ những khuôn mòn sáo cũ. Nước Mỹ là cường quốc bậc nhất thế giới tại sao ta không bắt chước họ cho tiện lợi?

Nghĩ cho cùng thì những cách viết lạ lùng khác thường ở Mỹ cũng thường chỉ thấy trong những bảng hiệu, trong những quảng cáo. Ở một quốc gia tư bản tự do, cạnh tranh kịch liệt thì một số chuyên viên quảng cáo chỉ nghĩ làm sao cho mọi người chú ý, làm sao lôi kéo được sự tò mò, lôi kéo nhiều khách hàng nghĩa là mang lại nhiều lợi lộc bằng mọi cách.

Nếu đúng như vậy có lẽ ta chẳng nên du nhập vào văn chương chữ nghĩa tiếng Việt để coi như một cải cách tân kỳ.

(Đặng Trần Huân - Chuyện cải cách tiếng Việt)

Thiên lơ mơ lỗ mỗ

Lúc bé, vẫn nghĩ rằng tình yêu là mãi mãi, tình yêu là thứ quan trọng nhất trong cuộc đời. Giờ thì biết yêu đến đó, rồi đi đó, như mưa bóng mây, hay dù có như chớp bể mưa nguồn thì cũng vậy, có đó rồi mất đó. Thật sự chẳng biết thứ gì là quan trọng nhất

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Vái lạy

Vái lạy là phép xã giao thời xưa, không chỉ dùng khi cúng tế mà người sống cũng lạy nhau..."Đời xưa vua đối với bày tôi, bố vợ đối với chàng rể, người tôn trưởng với kẻ ti ấu đều phải lạy đáp lễ... Đến đời nhà Tần mới đặt ra lễ "tôn quân ti thần", nên thiên tử không đáp lạy bày tôi nữa... Ngay xưa từ quan khanh sĩ trở xuống đều theo cổ lễ mà đáp lễ kẻ ti ấu, nếu kẻ ti ấu (bề dưới) chối từ, mới dùng lễ túc bối đáp lại. Còn vái là nghi thức lúc đã lễ xong....Nước ta xưa kia có chốn công đường có lễ tông kiến, kẻ hạ quan cũng vái bậc trưởng quan... Gần đây những kẻ hiếu sự không biết xét đến cổ điển lại cho là lễ của tôn trưởng đối với kẻ ti ấu, còn kẻ ti ấu đối với tôn trưởng không được vái, chỉ lạy xong là cứ đứng thẳng và lùi ra..." (Trích Vũ trung tuý bút của Phạm Đình Hổ trang 174).

Xem đoạn văn trích dẫn trên ta thấy không chỉ vái lạy người trên mà người trên cũng vái lạy đáp lễ. Từ lạy nhau chuyển sang vái nhau trong buổi tương kiến. Theo phong tục lễ giáo của ta, bề dưới phải chủ động chào bề trên trước, trẻ chào già trước, trò chào thầy trước. Nếu bề trên không chào lại người dưới, thầy không chào lại trò, tức là không đáp lễ, thì cũng không làm cho người ta ngượng ngùng và bất bình.

Xin trích kể lại câu chuyện "Tam nguyên Tổng đốc lạy ông Nhiêu". Ông Nhiêu Chuôi người cùng làm ăn mừng lên thọ 80 Cụ Tam Nguyên cũng tới mừng. Khi làm lễ chúc thọ, cụ Tam cũng như mọi người lễ ông Nhiêu hai lễ rất kính cẩn. "Ai đời cụ Tam Nguyên Tổng Đốc lại lạy một người dân thường. Ông Nhiêu vội vàng sụp xuống lạy tạ. Cụ Tam đỡ ông Nhiêu dậy, ôn tồn nói: Ta lễ là lễ cái thiên tước của ông Nhiêu đấy...".

(Trích Nguyễn khuyến và giai thoại)

Ca dao tình tự

Nói đến bỏ vợ, mất chồng

Chồng em như cột đình xiêu
Như cây gỗ mục còn yêu nỗi gì
Em về, bỏ quách nó đi
Hết bao nhiêu bạc, anh thì trả cho
Cưới lợn, thì anh trả bò
Cưới tiền, đền bạc còn lo nỗi gì

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

Tại sao gọi là rượu ngang và rượu quốc lủi

Tại miền Bắc người dân đã tự đặt tên cho loại rượu mình nấu lậu là *rượu ngang* vì rượu nấu và tiêu thụ theo kiểu *đi ngang về tắt*.

Rượu *cuốc lủi* vì vừa bán vừa *lủi như con chim cuốc*; hoặc để so sánh với rượu “quốc gia” khi các cụ nhà nho xưa nhại tiếng ngoại bang *nationale spirit* gọi rượu quê của người Việt là rượu

quốc hồn quốc túy. Tiếng là quốc hồn quốc túy mà phải nấu chui nấu lủi, uống chui uống lủi thì gọi là *rượu quốc lủi*.

(Nguồn: Bách khoa toàn thư)

49 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Năm 1983, trong một buổi đi chơi ở Los Angeles, tình cờ Phạm Duy gặp Phạm Công Thiện ở khu China Town, Phạm Công Thiện cho biết người con gái trong kịch thơ Người Điên ở gần đây và dẫn nhạc sỹ đến thăm mẹ con Kiều Loan, Phạm Duy quá bất ngờ như gặp lại người bạn cũ ngày xưa nhiều kỷ niệm khi ông vác ba lô đi tìm gặp Hoàng Cầm.

Trong căn gác nhỏ chung cư nghèo Los Angeles, Phạm Công Thiện nghe lại những bài thơ của Hoàng Cầm và tận mắt nhìn lại hình bóng Kiều Loan ngày nào trong vở Người Điên. Bà Tuyết Khanh đọc lại những bài thơ mà thi sỹ tặng bà năm 1945 và thưởng thức giọng ngâm của cô con gái Hoàng Cầm:

Anh đã về đây gặp lại mình
Cõi đời thiên hạ giấc u minh
Níu tay cười xuống hoàng hôn cũ
Vớt mắt em về bến hoá sinh...

Cô ngâm tiếp:

...Khanh ơi!
Thế xác hiu hiu bụi
Nắng dãi hoe vàng
Em ở đâu?

Khi Hoàng Cầm làm thầy giáo ở Bắc Giang còn có những câu thơ tình tặng bà khi hai người phải chia tay trong kháng chiến mà hoạ sỹ Tạ Tỵ sưu tầm đăng trên tờ nguyệt san Virginia:

Nếu anh còn trẻ như năm trước
Quyết đón anh về sống với em
Những buổi chiều vàng phơ phất lại
Anh đàn em hát níu xuân xanh

(Đi tìm người con gái trong vở kịch thơ của H. Cầm – Ngữ Yên)

Chữ Việt cổ (V)

Qua các hiện vật khảo cổ được phát hiện ở nhiều nơi trên lãnh thổ Việt Nam, giáo sư Lê Trọng Khánh đã phát hiện:

“Hệ thống chữ viết ấy xác định quá trình ra đời có nguồn gốc sâu xa từ những yếu tố tiền văn tự. Với thời gian dài tiến triển thành hệ thống chữ viết hình vẽ phát triển cao, được khắc trên đá ở Sa Pa, vào giai đoạn văn hóa đồng thau Gò Mun. Trên cơ sở đó chuyển lên loại hình chữ viết cao hơn. Và cũng chính ngay bản thân hệ thống chữ viết cao đó, cũng có cứ liệu vững chắc để thấy sự đi lên của nó, từ thấp đến giai đoạn hoàn chỉnh của chữ viết với nguồn gốc riêng”. Theo giáo sư: “Sự phát hiện chữ viết góp phần hiểu sâu hơn văn hóa, văn minh thời đó, tất nhiên không giống các nền văn minh cổ khác đã ra đời ở các dòng sông lớn trên thế giới như sông Nil, Lưỡng Hà và Ấn Hà”

Bản đá thứ nhất, hình khắc dài 3,36m, cao 2,73m, chữ viết hình vẽ Sa Pa đã vượt qua giai đoạn vẽ hiện thực nguyên thủy và đã tiến tới chữ biểu ý đầu tiên. Vì vậy có thể coi là thuộc loại hình chữ viết hình vẽ biểu ý (pictogramme)

Bản thứ hai, bản khắc dài 4,35m, cao 3,54m có hình mái nhà cong là một tuyến phát triển từ thấp đến cao. Như vậy cũng rõ ràng có một xu hướng phát triển *chữ viết, hình vẽ* tiến lên giai đoạn cao hơn.

(Trần Văn Hạc – Chữ Việt cổ)

Tiếng lóng mới ở trong nước

- Phơ : là "phê"
- Bà cố : có nghĩa là nhiều, quá.
Ví dụ như : con nhỏ đó đẹp *bà cố* luôn.
- Củ chuối : (tiếng Bắc) có nghĩa là "đều".
Ví dụ: thằng đó *củ chuối* chết mẹ!

“Hư từ” với...“mới”

"Hư từ", theo Hồ Ngọc Đức là những: "Từ không tiêu biểu cho sự vật, hành động hoặc không có đối tượng và chỉ biểu thị những mối quan hệ giữa các thực từ trong câu."

Chẳng hạn như từ "mới", khi nói đến từ "mới", người Việt chúng ta đều nghĩ "*mới*" là hình dung từ, trái nghĩa với "*cũ*". Đúng thôi. Ấy mà, khi mẹ nhắn nhủ con gái: "Con ạ, cái thằng X tuy xấu trai học dốt, nhưng là con nhà danh giá, giàu tiền lắm của. Con lấy được nó, tình nghĩa *mới* bền, *mới* thật sự là duyên tiền định, con ạ!", thì "mới" lại mang nghĩa "có như vậy".

Không như, trong:
*"Khôn ngoan đến cửa quan mới biết.
Giàu có ba mươi Tết mới hay",*

"mới" hàm ý "sẽ rõ, sẽ vỡ lẽ".

Ngoài ra, "mới" cũng còn có nghĩa "thoạt, thoáng, vù".

Thí dụ như hai câu ca dao tân thời sau đây:
*"Nàng thủ thi, tháng này em chưa có.
Chàng mới nghe, muốn cuốn vó chạy cho rồi."*

(Ngô Nguyên Dũng - “Áo từ” hay “biển từ” trong tiếng Việt?)

Lật bạt

Lật bạt : chẳng mấy chốc
(*lật bạt* đã thấy hết ngày)

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

cường điệu

Cường điệu nghĩa là nhấn mạnh quá mức để được chú ý đến. Soạn giả đã định nghĩa đúng. Nhưng chữ “điệu” ở đây lại được giải thích là “chuyển qua chỗ khác”, như thế là “điều động”, hẳn là không đúng. Tuy, chữ “điệu” 調 còn có âm là “điều” và cũng có nghĩa là chuyển qua chỗ khác, nhưng nó còn có nghĩa là *sắc thái của giọng nói và của cử chỉ*, như trong các từ âm điệu, thanh điệu, ngữ điệu, nhạc điệu, hay như ta thường nói, điệu múa, điệu hát, Đó chính là nghĩa của từ tổ điệu trong từ cường điệu, và nên hiểu là “phong cách diễn đạt”.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Nhà tôi: Không phải là cái nhà để tôi ở mà là người bạn đời của mình hay theo tiếng Mỹ mình là...”một nửa kia”.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

“Tù điền” của một người Bắc vào Nam sau 75

(*Chữ nghĩa làng văn* giữ nguyên chữ và câu cú, không...”nát bàn” với lời bàn Mao Tôn Cương)

Bề hội đồng = hiếp dân tập thể
Biết đâu nà, biết đâu nè = biết đâu đấy
Biết sao hôn

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

Dịch thuật

Gần đây có nhiều nhà phê bình văn học cho là Nguyễn Huy Tụ, đã dịch nôm *Hoa tiên truyện* nguyên bản *Hoa tiên ký* tiếng Hán của Trung Hoa. Và cũng có rất nhiều học giả thất vọng với bản dịch *Truyện Kiều-Đoạn trường tân thanh* của Nguyễn Du. Hiểu theo nghĩa là Nguyễn Du kém sáng tạo về “truyện dài” và chỉ giỏi “chuyển hóa” truyện dài Trung Hoa qua Việt ngữ. Nghĩa là, chỉ giỏi về nghệ thuật ngôn từ.

Gần đây, một học giả ta sang tận Trung Hoa tìm tài liệu và làm thống kê so sánh *Kim Vân Kiều truyện* với *Đoạn trường tân thanh* để chứng minh Nguyễn Du đã lược bỏ 2/3 truyện của Thanh Tâm tài nhân (giữ 142/214 trang) và 1941 câu còn lại của *Đoạn trường tân thanh* là do công của Nguyễn Du viết ra.

Học giả ta kết luận: *Truyện Kiều* không phải là tác phẩm dịch.

Để bổ sung, thêm một tác giả lập luận: “Dịch và viết bao giờ cũng là hai chuyện khác nhau. Bản dịch bao giờ cũng là tác phẩm (thứ hai) và dịch giả (giỏi) vẫn là đồng tác giả: Nghĩa là vẫn là một người sáng tạo”.

(Trần Quốc Vượng – Văn hóa Việt Nam)

Đã tới ngày tàn của sách III

Cứ tưởng tượng một ngày nào đó: Một ngày nào đấy, trên đường phố không còn, hoặc nếu còn, còn một cách vô cùng họa hoằn, các hiệu sách. Và ngay trong nhà cũng không còn những phòng sách hoặc kệ sách nữa! Buồn không?

Chắc chắn là buồn. Và hoàn toàn bất lực!

(Nguyễn Hưng Quốc – Chuyện sách)

Triết lý củ khoai

Tôi (Tràm Cà Mau) cứ yên chí là hạnh phúc không có thật trên đời này, và không tội gì uống công tìm kiếm. Dù sách vở, thơ văn, có nói nhiều đến hạnh phúc, tôi e rằng đó là chuyện mơ mộng hão huyền, chuyện bánh vẽ của những người chuyên làm thơ văn. Nhưng khi lớn lên, được đọc kinh Phật, kinh Thánh, và nhiều sách triết lý Âu Á như Khổng, Lão, Chu... và luôn cả kinh Koran và kinh đạo Bahai nữa, thì tôi tìm cho tôi được một triết lý đơn sơ, mộc mạc, là cái món hủ lớn vớt ra từ tinh túy của các triết lý khác.

Tôi tạm gọi là "*Triết lý củ khoai*". Vì nó đơn sơ như củ khoai, rẻ tiền, mộc mạc, và dễ tìm thấy như củ khoai trong đời này. Triết lý đó được đơm gợn lại trong một câu ngắn ngủi :
"Nếu chỉ có một củ khoai thôi, thì hãy nướng nó cho thật thơm mà đớp". Ý nghĩa của câu đó cũ mềm, hình như ai cũng biết, và có nhiều câu nói tương tự . Cái triết lý đơn giản này giúp tôi thấy được rằng, hạnh phúc là cái rất cụ thể, rất gần gũi, bất cứ ai, và bất cứ lúc nào, cũng có thể tìm được hạnh phúc rất dễ dàng. Ai cho rằng hạnh phúc là cái xa vời, thì vì họ chưa nắm hết phần tinh túy của các triết lý khác, hoặc chưa từng nghe một phần của triết lý củ khoai. Nhiều sách vở khác cũng có nói đến, nhưng người đọc vô tình hoặc cố ý làm ngơ, hoặc biết rất rõ nhưng chẳng bao giờ thực hành.

(nguồn: Tràm Cà Mau)

Vũ phu đôi ¹ (2)

Đổng đá cuội

*Đường ngang cũ bỏ lâu xuống cấp
Đá Cuội xưa núi lấp đường đi ..
Làng bên phụ nữ lắm khi
Xoắn quần tới háng làm li bước qua...
Ông Cuội thấy cười xòa khoái chí,
Mây giấu chi:" trắng hếu trong **quần**²"
Quý bà xanh mặt vái khan
"Vô tình sơ sẩy, mong Thần bỏ qua!"
Cuội cười phán: " lòng Ta... chớ **lọ**³,
Chỉ giận Mây, thằng nhỏ cứng ngay ,
Mây về bảo cả làng mây,
Sắp hàng lấy giống "ông Thầy" ...nghe chưa!
⁵Giờ đây, làng nước.... cú lừa!
Cháu con mây cuội?. Cuội "ừa!" . Hờn Qua ! ,*

1- "Vũ phu" thứ đá giống như ngọc. **đôi** là đồng, **Vũ phu đôi** là các từ Hán xa lạ. Đừng làm từ đồng âm **Vũ phu**, người chồng (đàn ông) hay hành hạ vợ con.
Cụ Nguyễn Khuyến chơi chữ; Minh cầm viên "đá Vũ phu" tưởng là ngọc mà đâu phải ngọc, nghe lời Cuội nói tưởng là lời nói thật mà có bao giờ đúng sự thật đâu . Trong tiếng Việt ta viết dưới dạng chữ quốc ngữ thì vũ phu là người đàn ông hung bạo với vợ của mình. Quả thật cuội không đánh vợ nhưng cuội ta cấy giống cuội cho người phụ nữ mà y chung đụng còn tàn nhẫn hơn triệu lần là Cuội ta hành hạ vợ . Một nỗi đau ám ảnh đến cuối đời người đàn bà khiến họ không thể yên tâm nhắm mắt; nhìn giòng giống này do chính mình sinh ra nay đang bị thoái hóa mà mình là kẻ vô tình tiếp tay. Minh đã bị lừa?. Cuội con là con của mình, bọn chúng đều do mình đẻ ra cả. Biết nó là Cuội, hại giống hại nòi vậy mà họ không nở nhẫn tâm bóp mũi nó ngay từ khi bọn nó lọt lòng. Đau quá, và tội nghiệp cho giống nòi này quá ! Với người đàn bà, tụi nó là con mình. Với người Việt, bọn cuội đang là đồng bào của mình. Đau quá! và Nan giải quá! .

2 - Mây giấu chi:" trắng hếu trong quần"

dịch từ câu thơ nguyên tác là

Nhĩ hữu hà vật như thử

Tạm dịch : Mây có cái gì mà trắng nõn như thế !

3 - lọ là không cần phải ...

Mộc mạc ưa nhìn lọ điểm trang (Nhị độ mai)

Dấu rằng đá cũng nát gan lọ người (Kiều)

(Nguồn: Lai Quảng Nam)

Ba gai

Ba gai là tiếng để chỉ những anh lính vô kỷ luật, ba gai, ba đồ.
“Ba gai” từ tiếng “pagaille” của Pháp.

(Vương Hồng Sển – Tự vị tiếng Việt miền Nam)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại.

Cát: điềm lành, tốt

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Giai thoại làng văn

Lúc cùng ở với Lưu Trọng Lư, Nguyễn Tuân chưa nổi tiếng. Tôi biết Tuân từ lúc anh còn làm thông tin viên ở Thanh Hóa cho tờ “Trung Bắc Tân Văn”. Đến khi tôi làm “Vịt Đực”, anh cũng thường lại chơi nhà báo, thỉnh thoảng lại quảng cho một hai bài, nhưng vì anh viết dài, nên nhà báo không đăng được. Những bài này hợp với một tờ báo - như “Ngòi Bút” của nhà xuất bản Hàn Thuyên của tập đoàn Nguyễn Xuân Tá, Trương Tửu, Nguyễn Đức Quỳnh. Thực ra, trước đó, Nguyễn Tuân đã nổi tiếng trên văn đàn, với cuốn “Thiếu Quê Hương”, “Vang Bóng Một Thời”, nhưng thật tội, phải kể từ lúc anh viết truyện ngắn loại “Thèm Ốm” cho Trung Bắc Chủ Nhật”. Đến cuốn “Chùa Đàn”, “Tóc Chì Hoài”, “Chiếc Lư Đồng Mắt Cua” thì tên anh thật vững.

Nhưng nói riêng về cá nhân Tuân, tôi yêu mến anh thật, nhưng có nhiều điểm “tôi không thể nào thương nổi”. Chắc tôi cũng có nhiều điểm để cho anh không ngửi được, nhưng anh em cứ là anh em, lâu lâu không gặp nhau thì nhớ, mà gặp nhau thì hôm trước hôm sau có chuyện “tẩy” lẫn nhau... gia rít. Tôi còn nhớ hồi làm Trung Bắc, tôi về Thanh Hóa thăm anh. Đi tàu hỏa đã mệt, tôi đến nhà anh chuyện trò một lát sau đi ngủ liền. Tuân nhè đúng lúc tôi đang ngon giấc, lay dậy, bảo mặc quần áo đi có việc cần. Trời thì rét mà ở ngoài tối om như mực, tôi không đi, nhưng không được. Tôi đành phải chiều anh bạn “lọ”. Anh bắt tôi đi bộ, vòng hết đường này sang đường khác, rồi rủ đi ăn bánh ướt ở một căn nhà lá mà anh bảo là ngon nhất Thang Mộc Ấp. Riêng một cái việc ngồi chờ cho bà cụ bán hàng thấp đèn lên, tráng bánh, rán đậu cũng đã mất hai tiếng đồng hồ.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ lỗ

Đề: Tả cảnh sân trường trong giờ ra chơi

Trống đánh tùng . . . tùng . . . Các bạn ùa ra sân trường như bầy chim vỡ tổ. Chỗ này các bạn gái nhảy dây, chỗ kia các bạn trai đá cầu, thỉnh thoảng lại vang lên tiếng chửi “địt mẹ”.

Giai thoại làng văn

Những hành động lảm cẩm và dớ dẩn, lộn ruột như thế không thể nào kể xiết. Trong khi người ta mặc quần áo Tây, anh mặc áo gấm huyền, đội khăn; mùa nực, cầm cái quạt đánh chó phải chết, để phe phẩy; nói thì rầm rẫn, đang vui câu chuyện ngừng phát lại, nhăn cái mũi cười rồi thôi, không nói nữa; đi ăn thì lè khè nhảm nháp, lấy hai ngón tay nhón cái chân chim bỏ câu bỏ lò, ăn chậm như rùa - mà chỉ ăn có hai chân thôi - còn cả con chim thì lấy tay ngoắt phở ky

lại (chớ không gọi) bảo đem “cát giùm” vào bếp. Cái nếp sống hàng ngày của Tuân đúng y như văn của anh viết trong các bài báo và tác phẩm của anh. Thượng Sĩ, Thâm Tâm, Ngô Tất Tố, Nguyễn Triệu Luật cho anh là một “quái thai” và đã kịch kịch liệt, nhưng muốn “tẩy” cách nào, Nguyễn Tuân cứ lập dị nguyên như thế, không thay đổi và kỳ cục nhất là một số người đã kích tính lập dị của Tuân, về sau, lại nói giọng lè nhè, ăn uống kiểu cách, bắt chước như Tuân.

(Vũ Bằng – Bốn mươi năm nói láo)

Bo bo

Tên chữ Nho của bo bo là cao lương hay mộc mạch.
Trong *Thần Nông bản thảo* là một món thuốc bắc, kêu là “ý dĩ”.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Nhà mặt phố, bố làm to.

Đặt lẽ quê thói với phong tục cổ truyền

Tóc thề vốn là một vài sợi tóc ngắn phát phơ hai bên trán và vành tai. Có giai thoại nói các cô gái có mái tóc thề, tức đã có người yêu, nhưng thực tế nào các cô đã thề thốt cùng ai?

Nguyên xưa, các đôi trai gái yêu nhau hoặc có những đôi đã nên vợ nên chồng, đang mặn nồng đắm thắm bỗng vì một lý do gì đó làm cho tình duyên dang dở, đôi lứa xa nhau. Họ quyết một lòng, dẫu cho sông cạn đá mòn, năm tháng chờ đợi vẫn một lòng thủy chung. Trước khi lưu luyến chia tay, họ cắt trao cho nhau một mớ tóc để làm tin và luôn giữ trong mình như kỷ vật. Mớ tóc đó gọi là tóc thề. Chỗ tóc bị cắt đó dần mọc lại và dài dần, mái tóc mới mọc đó gọi là tóc thề. Trong chuyện Kiều có câu:
Tóc thề đã chấm ngang vai
Nào lời non nước, nào lời sắc son.

Nghĩa là dăm ba năm sau, chỗ tóc bị cắt đã mọc dài chấm ngang vai rồi vẫn chưa thấy bóng dáng người yêu. (Nên nhớ, thời xưa con trai cũng để tóc dài, cũng búi tóc, và vì vậy cũng có tóc thề).

Lây dây

Lây dây : lâu

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Tương lai từ vựng tiếng Việt

Chỉ lấy luật tự nhiên mà xét, bản sắc từ vựng tiếng Việt rồi sẽ mất, như: *nhấp nhô, tí tách, ngọt ngào, ram ráp, chua lè, nao nao, điều hiu, man mác, bản khoăn, chống chénh, đau đáu, thấp thỏm, xốn xang, xao xuyến* ..v..v..

Thời gian cứ càng ngày càng hiếm, còn thì giờ đâu ngồi vận dụng giác quan, tâm hồn, mà cảm cho sâu bên ngoài bên trong! Nếu tất cả mọi vật chung quanh ta cứ biến hóa vù vù, thì làm sao ta kịp thấy rõ hoặc nảy sinh cảm xúc rõ về chúng được?! Một phần vì môi trường Việt sau Tây đổi thoản thoắt mà ta đang trở nên gần như vô cảm! Xưa kia sống trong môi trường bền mà tổ tiên ta mới bật ra được những từ như: *bể bàng, bỡ ngỡ, canh cánh, đau đáu, hụi hẩng, hững hờ, ngại ngùng, ngán ngơ, ngỡ ngàng, rạo rức, se sắt, thần thờ, xao xuyến* ..v..v.. Hình như hầu hết những từ cụ tượng hữu cảm và từ trừu tượng cảm xúc đều đã có mặt trong tiếng Việt từ đời... tám hoánh, chứ không phải mới được đặt ra gần đây. Nhất là nhóm trừu tượng cảm xúc, hình như lâu lắm rồi tiếng Việt không thêm từ mới.

Tuy coi như đã ngưng sáng tạo những từ ấy, nhưng có lẽ trong một thời gian khá dài, đa số người Việt sẽ vẫn tiếp tục dùng chúng trong lời nói và lời viết. Dùng cách hững hờ, mỗi ngày mỗi thêm hững hờ, chứ không với sự rung động sâu xa của tổ tiên xưa kia...Cứ thế đến, chẳng hạn, đầu thế kỷ 22:

“Có người xa nghe nức tiếng tìm chơi” (1), mới hay những *điều hiu, lãng đãng, chống chéng, khấc khoải, phơi phới, xốn xang* ..v..v.. đã rơi khỏi cửa miệng người Việt tự bao giờ!

(1) Truyện Kiều, *chỗ kể đời Đạm Tiên: “Có người khách ở viễn phương / Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi / Thuyền tình vừa ghé tới nơi / Thì đà trâm gãy bình rơi bao giờ”.*

(Thu Tứ - Gocnhin.net)

Ca dao tình tự

Nói đến bỏ vợ, mất chồng

Chồng em như thể cóc già
Vợ anh ở nhà như thể con trai
Làm tờ đánh đổi anh ơi

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

50 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Lần đầu tiên tôi biết Trần Dần là trong một trại hè của các đoàn văn công quân đội năm (19...) Dáng người thấp, hơi thô, tay chân chắc nịch, lúc nói chuyện thường ồn ào, giọng cười thẳng thắn, ròn rã. Đôi mắt xếch với cặp mày rậm làm cho khuôn mặt anh dữ tợn, nhưng đến khi anh há mồm ra cười thì trông lại như một đứa trẻ con. Tôi biết tiếng anh từ lâu - Ở bộ đội Sơn La, từ đầu năm 1947, nổi tiếng có một anh Trần Dần nào đó thường vẽ và làm thơ có nhiều cái rất lạ, anh em văn nghệ xung quanh thì rất thích nhưng đồn rằng bộ đội thì không hiểu và một số cán bộ chính trị ở đơn vị thì lấy làm bực mình.

Dần dần anh chị em gọi Trần Dần là “thầy tướng” và lắm khi tin anh như một người đau khổ ngày trước tin số mệnh, đã đặt cho anh một cái tên “Trần Dần cóc tử”. Hồi ấy Trần Dần yêu một nữ diễn viên văn công. Vốn tính cương trực, lỗ mãng, anh không biết cách nào khéo léo để lấy lòng yêu của người đàn bà. Anh không biết nói đẹp, nói hay, chỉ non thề bẻ, xem lá rụng, hoa tàn để vừa ý một cô gái rất đỏng đảnh. Gặp cô, anh “tấn công” luôn, rất thô kệch. Cô ấy sợ, và chạy trốn. Anh đuổi không kịp. Rồi anh thất vọng to, và cũng biết khóc. Một lần bắt chợt anh ôm đầu khóc, tôi kéo mấy anh bạn vào xem: “Vào đây xem voi chảy nước mắt các cậu ơi!” Mãi về sau hình ảnh cô gái đó đột hiện lên, tươi roi rói, đẹp và anh đứng trong những trang đầy nhiệt huyết của cuốn truyện *Người người lớp lớp*.

(Con người Trần Dần – Hoàng Cầm)

Chữ nghĩa làng văn

Mấy chục năm đầu của thế kỷ, từ vựng tiếng Việt có hai đặc điểm chính: hoặc là nặng nề do quá nhiều từ Hán Việt (như văn của Phạm Quỳnh và nhóm Nam Phong) hoặc là nôm na do giống như văn nói (như văn của các tờ báo đầu tiên xuất hiện ở Nam Kỳ). Trên tờ *Phong Hoá* số 3 năm 1933, nhóm Tự Lực văn đoàn đã chế diễu hai phong cách này qua hai đoạn văn như sau:

1. Bĩ nhân trầm tư mặc tưởng nghiên cứu thực lự về cái thâm ý đại nghĩa của nhân thể sau khi đã hiện phục, đã xác tín, đã chứng cứ vào những lý thuyết của các nhà triết học cổ kim đông tây thì phải thừa nhận, phải công nhận, phải phục nhận rằng nhân thể là một gang tay, là bạch cầu quá khích vậy.

2. Ta ngồi trong phòng trước một luồng không khí quay cuồng bởi cái quạt máy, dưới ánh sáng của ngọn đèn 120 nến, rồi ta ném lòn nhỡn tuyến qua cửa sổ rơi cái bịch một cái xuống con cóc ngồi tư lự bên cạnh hòn gạch. Cảm tình ta như nồn nao xoáy tận đáy cõi lòng, tư tưởng ta nảy phăng ra ngoài óc, tim ta hồi hộp muốn phá tan lồng ngực nhảy ra ngoài.

Hai đoạn văn trên, một đoạn lai Tàu và một đoạn lai Tây, có điểm giống nhau là cấu trúc câu khá dài. Nguyên cả đoạn trên chỉ là một câu. Đoạn dưới gồm hai câu. Có lẽ đây cũng là đặc điểm chung của văn viết Việt Nam vào đầu thế kỷ 20.

Đọc đoạn văn trên xong, đọc sang một đoạn văn Võ Phiến gần đây, chúng ta sẽ thấy khác hẳn là câu văn ngắn hơn:

3. Ban đầu ít, thưa thớt. Thoắt cái, bọ ở đâu vụt ào tới, nhảy tung bùng. Lúc sau mới biết là mưa đá. Vườn bắt đầu ướt át. Mưa mạnh. Bọ càng lúc càng nhảy dữ. Đầy cả vườn cỏ.

(Phan Việt Thùy – Cái mới nhìn từ góc độ ngôn ngữ...)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

Danh thiếp

Danh thiếp là tấm giấy nhỏ ghi họ tên, nghề nghiệp, địa chỉ của một người, dùng trong việc giao thiệp. Soạn giả đã nêu định nghĩa như vậy, quả là không sai. Nhưng, ông giải thích rằng, *thiếp là chữ viết trên lụa* thì thật là không thoả đáng. Quả thật, chữ thiếp vốn có nghĩa như thế, nhưng còn có nghĩa là tấm giấy (hoặc tấm lụa, dùng khi con người chưa biết cách sản xuất giấy) viết sẵn hoặc in sẵn để chuyển đạt một thông tin ngắn gọn nào đó cho người khác biết. Trong từ danh thiếp 名帖 thì thiếp 帖 là tấm giấy nhỏ có công dụng kể trên. Nghĩa này đã được du nhập vào tiếng Việt, như trong các từ thiếp mời, thiếp chúc mừng, v.v. Ngoài ra, ở Trung Quốc ngày xưa, bản chữ Hán viết rất đẹp dùng làm kiểu mẫu để luyện tập viết chữ Hán cũng gọi là thiếp, ví dụ, thiếp Lan đình của Vương Hy Chi (303–361) đời Tấn.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chữ nghĩa làng văn

Các từ kết thúc bằng âm *EN* thường chỉ "*các động tác đi qua một chỗ hẹp, một cách khó khăn*".

Thí dụ: Chen, Chẹn, Chèn, Len, Men, Nghẽn, Nghẹn, Nén, v.v...

Nếu chúng ta chịu khó quan sát, tìm hiểu, chúng ta sẽ phát hiện những chữ tuy rất quen thuộc chúng ta sử dụng hàng ngày lại ẩn giấu những quy luật bí ẩn lạ lùng nhưng không kém phần thú vị!

(Nguyễn Hưng Quốc - Tiếng Việt dễ mà khó)

Cũ ta, mới tôi

Ta hãy định nghĩa thế nào là thơ mới: Phong trào thơ mới trước hết là một cuộc thí nghiệm táo bạo. Cuộc thí nghiệm bây giờ đã tạm xong. Và đây là những kết quả:

Thể Đường luật vừa động đến là tan: Thất ngôn và ngũ ngôn rất thịnh. Không hẳn là cổ phong. Cổ phong ngày xưa đã thúc lại thành Đường luật. Thất ngôn và ngũ ngôn bây giờ lại do luật Đường giãn và rơi ra. Cho nên êm tai hơn. Cũng có lẽ vì nó ưa vần bằng hơn vần trắc. Lục bát vẫn được trân trọng. Song thất lục bát cơ hồ chết, không hiểu vì sao. Thơ bốn chữ trước chỉ thấy trong những bài vè, nay là thể thơ nghiêm chỉnh. Lục ngôn thể trước trong *Bạch vân thi tập* thỉnh thoảng cũng được dùng.

Từ khúc hồi đầu người ta toan đưa làm thể chính thức của thơ mới, đã chết dần cùng với thơ tự do. Luật *đổi thanh* rất tự nhiên trong thơ Việt chi phối hết thảy các thể thơ. Tóm lại, phong trào thơ mới đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó sẽ thêm bền vững. Nó đã qua được một cơn sóng gió dữ dội trong khi các khuôn phép mới xuất hiện đều bị tiêu trầm như thơ tự do, thơ mười chữ, thơ mười hai chữ, hay đương sắp sửa tiêu trầm như những cách gieo vần phỏng theo thơ Pháp.

Nhưng hôm nay tôi chưa muốn nói nhiều về hình dáng câu thơ. Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng hơn: tinh thần thơ mới. Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa - hay *thơ cũ* - và thời nay - hay *thơ mới* - có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*.

(Hoài Thanh - Thi nhân Việt Nam)

Triết lý củ khoai



Lúc bé tưởng sự sống và cái chết
ở cách xa nhau lắm, giờ mới biết nó
chỉ cách nhau một lần chỉ mong manh

Địa tửu

Rượu ta có 4 địa danh nổi tiếng:

Làng Vân – Bắc Ninh

Kim Long – Quảng Trị

Bàu Đá - Bình Định

Gò Đen – Bến Lức, Long An

Ngoài ra còn có Nguyên Xá (Thái Bình). Kê Diên (Quảng Trị), Phụng Hiệp (Cần Thơ). Bà Queo, Cả Cần (Mỹ Tho), v...v...

(Nguồn: Mường Giang)

Tiếng Việt trong sáng

Ấn tượng: Theo cụ Đào Duy Anh, ấn tượng (impression) là cái hình tượng do ngũ quan cảm xúc mà còn in sâu vào óc. Vậy ấn tượng là một danh từ của tâm lý học.

Thế mà ngày nay người ta đem dùng làm tính từ như “cảnh đó rất ấn tượng”, và cả động từ nữa, như “tôi rất ấn tượng cảnh đó”.

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Hai ông bà: Không phải là hai ông, hai bà.
Mà chỉ là đúng một ông, một bà không thôi.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

“Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

(*Chữ nghĩa làng văn* giữ nguyên chữ và câu cú, không...”nát bàn” với lời bàn Mao Tôn Cương)

Biết hôn = biết không
(không có nghĩa là “Anh có biết hôn không”)

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

Máy văn chương

Trong lời nói đầu của Notre Dame, Victor Hugo đã nói đến sự giãy chết của nghệ thuật kiến trúc khi máy in chào đời. Chưa có máy in, nhân loại chỉ có thể nhấn gửi tư tưởng mình cho đời sau trong những khối đá, những công trình kiến trúc. Với máy in, họ có thể làm điều đó một cách chóng vánh và hiệu quả. Kiến trúc phải lùi vào bóng tối. Rồi đây, những thay đổi chóng mặt của kỹ thuật - nhất là lĩnh vực tin học - sẽ ảnh hưởng như thế nào đến văn chương. Vật vã trong cỗ máy vi tính, những hình thức văn chương tồn tại bao đời có bị bức tử hay chăng?

Người ta đã nói nhiều về một viễn ảnh những vật dụng quen thuộc như cuốn sách hay cây bút chỉ được trưng bày ở viện bảo tàng. Khi đã làm quen với chiếc keyboard, ai cũng có thể trở nên lười biếng với cây bút và cuốn sổ tay; sự thay đổi của thói quen “viết lách” sẽ ảnh hưởng thế nào trong phong cách sáng tác? Rồi sự ra đời của loại “sách điện tử” sẽ ảnh hưởng như thế nào đến thú đọc sách? Văn chương bao giờ cũng cần đến hai yếu tố: người viết và độc giả. Với những độc giả nay “đọc” và “lướt qua” bài viết để thích nghi với hình thức tiêu hoá nhanh. Và sau đấy bài viết mất hút. Danh phận của người làm văn chương cũng dần dà tan biến trong thời đại siêu truyền thông. Văn chương rồi sẽ vật vã như thế nào đây để giữ lại chút danh phận bèo bọt của mình?

Le Corbusier, người được xem là một trong những nhà kiến trúc vĩ đại nhất của thế kỷ 20, cho rằng nhà là “một cái máy để ở”. Còn văn chương, nếu phải “mới” để sinh tồn, phải mới để “bắt mắt” như vậy, sẽ biến tượng thành loại...”máy” gì đây?
”Máy văn chương?”

Quả là một ý niệm khôi hài, nhưng là khôi hài đầy nghiêm chỉnh!

(Nguyễn Hưng Quốc - Cái mới: bản chất của sáng tạo)

Tiếng Bắc tiếng Nam

Vì thổ âm “đất mặn, giọng chua”, nhiều người Bắc đọc phụ âm “tr” thành “ch”, “d” thành “gi”, “s” thành “x”, quen phát âm ra tiếng gió, khiến giọng trở nên chua.

Người Nam nhiều người phát âm bỏ “ê dưới” (g), chẳng hạn như câu hát “làng tôi có cây đa cao ngất từng *không*” thì họ hát “làn tôi có cây đa cao ngất từng *khôn*”.
Hoặc giả như âm “ùi” thành “òì” như câu “tình em gió mưa gặp *vùi*, thôi em đành một mình ngậm *ngùi*” thành ra “tình em gió mưa gặp *vu.òì*, thôi em đành một mình ngậm *ngu.òì*”.

Chữ Việt cổ

khoai dèo: khoai lang

(Phạm Xuân Độ)

Ca dao tình tự

Nói đến tiết trinh

Lẳng lơ mới có con bông
Nhu mì như chị nằm không cả đời

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

34 Thiên lơ mơ lố mỗ



Lúc bé tưởng chỉ có kẹo là ngọt,
giờ lớn lên còn biết có những thứ
còn ngọt ngào hơn cả kẹo.

Chữ nghĩa văn chương hậu hiện đại

"...Xa xa hoàng hôn tím thắm mặt trời đỏ ối chui vào hoàng hôn đặc quánh. Dường như không còn chân trời đất trời giao hoà làm một. Mặt trời đã chui xuống tằm chần hoàng hôn. Và màn đêm buông xuống.

Họ đi bên nhau đi mãi đi mãi về phía chân trời.

Bỗng họ vật nhau, họ vật thật quyết liệt. Nàng tan vào chàng và chàng cũng tan vào nàng. Như kem Tràng Tiền gặp nắng tháng tám, họ tan vào nhau. Như đất trời, họ cũng đang hoà làm một. Bầu trời vút cao. Sao xanh lấp lánh. Trời cao sao xanh

Có thể không mưa

không thể mưa

Đúng

Trời đã không mưa...

Hoặc giả như:

Ngoài. Trời. Đã. Sập. Tối. Qua. Khung. Cửa. Phòng. Khách. Trắng. Lười. Liềm. Treo. Lủng. Lẳng. Nền. Trời. Đêm. Với. Những. Ngôi. Sao. Lấp. Lánh. Như. Dát. Bạc. Lên. Tắm. Màn".

(Vương Văn Quang – Cửa sổ trắng treo ngoài)

Văn tự

Giáp Cốt văn là loại văn tự khắc chạm trên mai rùa hay xương động vật.

Chữ trên mai rùa gọi là *Giáp văn*.

Còn chữ trên xương những động vật khác gọi là *Cốt văn*.

Chữ viết khắc chạm trên đồng và kim loại gọi là *Kim văn*.

Biên khảo văn học Hán Nôm (I)



NGUYỄN VĂN TỐ
(ỨNG HOÈ)
(K. s. 1889 - D. 1947)

Phạm Quỳnh và nhóm *Nam Phong Tạp Chí* rời tới nhóm *Thanh Nghị*, *Tri Tân* đã nỗ lực nghiên cứu kho tàng văn học Hán Nôm nhưng kết quả chưa được bao nhiêu, phần nhiều chỉ gồm các thơ văn lẻ loi, các tài liệu rải rác được phiên dịch từ Hán Nôm ra chữ Quốc Ngữ, đây chỉ là những mảnh vụn của văn học Việt Nam.

Trên tạp chí *Tri Tân* học giả Ứng Hoè Nguyễn Văn Tố đã có công viết nhiều bài khảo luận đĩnh chính những bài văn cổ giúp cho việc chú giải thơ văn sau này được dễ dàng và chính xác hơn. Trên tờ *Thanh Nghị* số 31 (16/02/1943) và số 32 (01/03/1943) học giả Hoàng Xuân Hãn đưa ra ánh sáng tập *Mai Đình Mộng Ký* của Nguyễn Huy Hổ. Năm 1944 *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của Dương Quảng Hàm ra đời. Đây là bộ Văn Học Sử đầu tiên và là một công trình khảo cứu rất công phu và giá trị nhưng tiếc rằng còn quá tóm lược, các tác giả và tác phẩm viết bằng Hán Nôm chỉ được đề cập đến một cách khái quát, sơ sài. Những cố gắng của Phạm Quỳnh, Phan Kế Bính, Nguyễn Hữu Tiến, Trần Trọng Kim, Dương Quảng Hàm, Đào Duy Anh, Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn Tố, Hoàng Xuân Hãn... tuy giúp chúng ta có một cái nhìn tổng quát về nền văn học lịch triều nhưng còn rất nhiều vấn đề cần được tìm hiểu sâu xa và cận kề hơn. Điều này không thể thực hiện được do sự thiếu sót tài liệu. Đây là trở ngại chính yếu và lớn nhất trong lãnh vực biên khảo văn học Hán Nôm.

(Trần Bích San – Những trở ngại biên khảo văn học Hán Nôm)

Tiếng Bắc tiếng Nam

Qua những bài ca dao cổ hay mới gần đây như:
Cô kia đội nón chờ ai?
Chớ lấy chú *Chiệc* mà hoài tấm thân

Hoặc giả như:
Láy Tây, láy *Chiệc* làm chi
So bè nhân nghĩa chẳng bì An Nam

Với người Tàu, người Bắc gọi là “Chiệc”,
người Nam kêu là...”*Chệt*”.

Thiên thoạ lơ mơ lỗ mỗ

Hạnh phúc...



Có một người đàn ông muốn hạnh phúc nên viết lên bảng dòng chữ : "Tôi muốn hạnh phúc"

Một nhà sư đi ngang qua thấy vậy bèn xóa đi chữ: "Tôi". Nhà sư bảo: "Hãy bỏ cái tôi đi".

Rồi nhà sư lại xóa tiếp chữ: "muốn" và bảo :

"Hãy bỏ tham muốn đi"

- Bây giờ ông đã có "hạnh phúc".

Đắt lè què thói với phong tục cổ truyền

Mở hàng 1

Trong phong tục ngày Tết, đầu năm ai cũng muốn vận hội hanh thông, làm ăn xuôi sẻ, làm quan có ngày khai ấn, kẻ sĩ có ngày khai bút, nhà nông có ngày khai canh, làm thợ có ngày khai công, người làm nghề buôn bán có ngày mở hàng. Mọi việc khởi đầu đều khó khăn, mà "Đầu đi thì đuôi lọt!". Riêng trong nghề buôn bán lại càng bấp bênh, có ngày mua may bán đắt, có ngày ngồi suốt buổi chẳng ai ghé tới, có tháng lời lãi nhiều, lợi lộc lớn, có tháng thua lỗ mất cả chì lẫn chài, vì vậy không những chọn ngày mở hàng đầu năm, mà cả đầu tháng, đầu tuần, từng ngày còn phải để ý đến chuyện mở hàng: mở hàng vào lúc nào ? Bán cho ai "nhẹ vía" để cả ngày bán đắt hàng?

Thông thường muốn được đông khách đến mua thì người bán hàng phải niềm nở, vồn vã, ân cần, bán với giá hơn bình thường để cầu được đông khách và giữ được chữ Tín đứng hàng đầu. Song có người lại tưởng nhầm bán mở hàng phải bán cho đắt, người mua mặc cả chê đắt không mua bỏ đi, rồi cuộc ngồi lì suốt buổi không ai hỏi đến, thậm chí còn cho là tại người mở hàng nặng vía, chửi rửa ngăm và "đốt vía" người mở hàng. Ngày trước người ta muốn đi chợ sớm để được mau mở hàng có giá rẻ hơn chút ít, nhưng ngày nay nhiều người ngại mở hàng vì sợ vướng phải nạn nặng vía lại đòi "đốt vía" người mua mở hàng.

51 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Bỗng có một người đàn bà đến rất nhanh chóng trong đời sống của Trần Dần. Một chị ngoài 20 tuổi, đi đạo, ở Hà Nội mới giải phóng. Trần Dần gặp người đó và hai người yêu nhau. Lúc mới yêu người ta dễ say. Trần Dần lại là người chưa từng được yêu bao giờ, dù anh đã gần 30 tuổi. Cái tật xấu nhất của Trần Dần là bừa bãi trong sinh hoạt: quần áo, sách vở, vứt lung tung, bạ đâu ngủ đấy. Trong sự giao thiệp với người đàn bà này, anh cũng rất bừa bãi. Mới quen lần đầu đã nghiêm nhiên vác ba lô đến ở chơi nhà người ta vài ngày, rồi cười đùa âm ỹ.

Anh đã sẵn sàng đòi tình yêu. Người thiếu nữ có lẽ vì sợ đôi mắt xếch đã đi từ nương bộ này đến nương bộ khác, và đến lúc nương bộ cuối cùng: chị đã trao cả cuộc đời mình cho anh. Nhân lúc đang ốm yếu, được phép nghỉ, anh đã đến nhà người yêu ở hàng nửa tháng liền. Và anh đề nghị cấp trên cho anh được cưới.

Anh đề nghị đơn vị đi sát giúp đỡ anh. Lý lịch người thiếu nữ, theo anh, không có gì là mờ ám. Một công dân còn trẻ, chưa hiểu việc đời nhiều lắm, trình độ chính trị rất thấp. Có người nghiêm nét mặt, đề cao cảnh giác: Cẩn thận! Kèo sa lưới địch! Nó đang âm mưu tấn công vào hàng ngũ ta. Người ta dèm pha những “nhận định” cao siêu, những “lập trường” “quan điểm” giai cấp tính, tư tưởng tính, “tư sản” và “vô sản” v.v... rút những câu chính trị để quy kết cho một mối tình.

Trần Dần đã gục mặt vào tay đau đớn. Tôi đã gặp anh ngồi lặng hàng giờ trong một căn phòng quần áo bàn ghế bừa bãi ở nhà người thiếu nữ đó. Giữa anh và chị, có một niềm tủi cực, cay đắng, xót xa. Chị đã thôi không trang điểm, xếp áo màu vào tủ, có cái thì đem cất ngăn, nhuộm nâu. Đã tan đi từ lâu lắm tiếng cười ròn rã. Trong giọng nói đã thấy ngấn nước mắt. Trần Dần hết sức giải thích cho người yêu và hướng người yêu vào con đường “làm lấy mà sống” “đừng nhờ vả ai”. Hình ảnh người con gái đi tìm việc làm trong mưa, về sau tôi lại gặp rất đau xót, trong bài thơ “Nhất định thắng” in trong tập *Giai phẩm mùa Xuân 1956*.

Mối tình đó kéo lê những ngày lo sợ, buồn phiền. Trần Dần không ngờ yêu lại khổ đến thế này. Cùng một thời gian đó, bản “Đề nghị Chính sách Văn nghệ” thảo luận chưa xong. Giời sang hè, mùa mưa tầm tã. Trần Dần và người yêu vẫn sống trong một góc nhà tối thiếu ánh sáng. Bữa cơm không vui. Bụi phố Sinh Từ rắc vào nhà như sương, bụi phủ trắng mặt bàn ghế. Ăn vội vàng, Trần Dần lại về đơn vị để rồi lại được nghe những lời phê phán, những tiếng xì xào. Và người thiếu nữ lại chân đất, áo ngắn, đi tìm việc làm, có hôm từ sáng đến tối mới về:

Em đi trong mưa... cúi đầu... nghiêng vai

(Con người Trần Dần – Hoàng Cầm)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Cũng là một tiếng phủ định nhưng “chưa” khác với “chừa”. Tuy rằng “chừa” là thổ ngữ ở một vài vùng quê, song nó mang một ý nghĩa khác biệt hơn.

Thêm dấu hỏi (?), từ “chưa” hàm chứa một sự khác quyết hoàn toàn. “Chừa” là một khẳng định của phủ định. Khi ta nói: “Bảo làm mà vẫn *chừa* làm” có nghĩa là *chưa* làm một tí gì!

Thế nhưng khi một cô gái nói: “Em có *chừa*” thì lại khác!

(Đỗ Quang Vinh - Tiếng Việt tuyệt vời)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Ông Sui: là bố mình thân mật gọi bố của vợ mình.
Chứ không có nghĩa là “Mr Unlucky” đâu.

(Nguồn: từ sổ tay của một người Mỹ học tiếng Việt)

“Tù điền” của một người Bắc vào Nam sau 75

Biểu = bảo
(ai biểu hồng chịu nghe tui mần chi! – lời trách nhẹ nhàng)

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

Chuyện nhà Minh cướp sách đem về Tàu (I)

Trong *Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục*, chính sử của nhà Nguyễn và trước đó, Lê Quý Đôn (1726 – 1784) trong *Lê Triều Thông Sử* đã viết rất rõ điều này.

Trước hết, trong *Lê Triều Thông Sử*, phần “Nghệ Văn Chí,” Lê Quý Đôn có viết: “Đến đời *Nhuận Hồ* mất nước, tướng nhà Minh là *Trương Phụ* lấy hết sách vở cổ kim của ta gửi theo đường sông về *Kim Lăng*.”. Còn trong *KĐVSTGCM*, phần Chính Biên, quyển XXXIII, sau phần nói về việc vua nhà Minh cho in các sách *Tứ Thư*, *Ngũ Kinh* và *Tính Lý Đại Toàn* và sai Giám Sinh *Đường Nghĩa* sang nước ta ban phát cho những người Nho học có chép thêm “Còn các sự tích và sử sách của nước ta từ đời *Trần* trở về trước đều tịch thu đưa về *Kim Lăng*.”

Gần ta hơn, *Trần Quốc Vượng*, giáo sư sử học thuộc Viện Đại Học Quốc Gia Hà Nội, trong tuyển tập nhan đề *Văn Hóa Việt Nam, Tìm Tòi và Suy Gẫm* cũng viết “Cướp được nước ta, trong 20 năm trời bên nền đô hộ hà khắc về chính trị, vợ vét tham tàn về kinh tế, giặc Minh đã thi hành một chính sách hủy diệt độc ác về văn hóa, giặc Minh đã quyết tâm đập cho tan nát những cơ cấu văn hóa dân tộc xây dựng suốt hơn 400 năm, chủ yếu dưới thời Lý – Trần. Vua Minh đã trực tiếp ra mật lệnh cho bọn tướng xâm lăng khi tiến quân vào nước ta, thấy bất cứ cuốn sách vở nào, gập bất cứ tấm bia đá nào đều phải thiêu hủy, đập phá hết. Tên tướng *Trương Phụ* lượm lặt hết các sách vở cổ kim của ta, đóng thùng chở về *Kim Lăng*. Tháng 7 năm *Mậu Tuất* (1418), nhà Minh còn sai tiến sĩ *Hạ Thì* và hành nhân *Hạ Thanh* sang tìm tòi và thu lượm tất cả những sách chép về lịch sử và sự tích xưa nay do người Việt viết. Năm 1419, nhà Minh lại cho người đem sách *Khổng giáo*, *Đạo* và *Phật giáo* của *Trung Quốc* sang thay thế cho những sách trước kia chúng lấy đi. Chính sách hủy diệt văn hóa thâm độc đó đã phá hoại gia tài văn hóa, tinh thần của dân tộc ta không phải là ít. Nếu không, cái gia tài văn hóa, văn học tư tưởng thời *Lý Trần* để lại sẽ phong phú biết chừng nào!”.

(nguồn Phạm Cao Dương)

Lấy

Lấy : làm gì cho bỏ giận
(nó nói lấy)

(Tự diễn tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Qua điền bắt nạp lũ
Lý hạ bắt chỉnh quan

Nghĩa là:
Khi đi qua ruộng chớ cúi xuống sửa dép.
(vì sợ người ta nghĩ mình ăn cắp dưa)

Khi đi dưới cây mận đừng sửa mũ.
(sợ người ta cho là mình hái mận)

Ca dao tình tự

Nói đến tiết trinh

Chơi cho thủng trống long bông
Chơi cho gió cuốn mây tung mới là
Chơi cho nó thỏa tòa tòa
Cho năm bức váy, xé ra làm mườì

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

Chữ nghĩa làng văn

Nữ nhà báo: Tôi còn nhớ, trong chiến tranh I rắc, sau khi lính Mỹ bắn nhầm nhân viên tình báo của Ý bảo vệ người nữ phóng viên vừa được bọn bắt cóc trả tự do, các đài truyền hình ở Việt Nam loan tin nhiều lần và nhắc đi nhắc lại nhóm từ *nữ nhà báo*.

Thực ra! Nhà báo là tiếng Nôm nên phải dùng văn phạm xuôi và phải nói "*nhà báo nữ*" Còn muốn dùng văn phạm ngược thì phải dùng 3 từ Hán Việt: "nữ phóng viên" hay "nữ ký giả".

(Triêu Thanh tạp chí)

Ca dao tình tự

Nói đến tiết trinh

Lẳng lơ chết cũng ra ma
Chính chuyên chết cũng đưa ra ngoài đồng

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

Chữ Việt cổ

Từ cổ tiếng Việt trong "Đại Nam quốc âm tự vị" của Huỳnh Tịnh Paulus Của. Những cứ liệu khảo sát từ cổ rất đa dạng và phong phú, nhưng do điều kiện về thời gian, chúng tôi chỉ khảo sát những từ đã từng tồn tại là những từ bình thường, nhưng nay đã hoàn toàn biến mất trong từ vựng hiện đại.

Chạc: dây

(Đại Nam quốc âm tự vị - Huỳnh Tịnh Paulus Của)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mã

Trên tường có hàng chữ, Ta đọc: "Cấm không được đá".
Cũng hàng chữ ấy, Tàu đọc: "Đá được không cấm"

Biên khảo văn học Hán Nôm (II)

Kỹ thuật ấn loát của ta ngày xưa rất thô sơ, nước ta chỉ có lối in mộc bản. Từ thời nhà Lý ta đã biết cách in bằng bản khắc trên gỗ nhưng kỹ thuật còn rất sơ đẳng. Phải chờ đến khi Lương Như Hộc đi sứ Trung Hoa hai lần vào năm 1443 và 1459 để tâm nghiên cứu lối in mộc bản ở các xưởng ấn loát của người Tàu. Khi về nước, ông đem kỹ thuật học được dạy cho dân hai làng Liễu Trai và Liễu Tràng thuộc huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương. Từ đó lối in ván khắc của ta mới trở nên tinh xảo và Việt Nam mới thực sự có thợ chuyên môn về ngành ấn loát. Việc ấn loát ngày xưa rất tốn kém do đó chỉ những sách dùng vào việc học, việc thi, ngoài ra đều phải viết tay. Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí của Phan Huy Chú là một bộ sách đồ sộ gồm 49 quyển nhưng không được in, chỉ có thủ bản.

Giấy dùng để in sách ngày xưa là loại giấy bản. Giấy này được biến chế từ vỏ cây dó nên khi bị ẩm thấp dễ rách nát. Do đó việc lưu giữ sách vở rất công phu và khó khăn. Với các điều kiện bất lợi kể trên, việc phổ biến tác phẩm ngày xưa bị hạn chế đến mức tối đa. Đây cũng là nguyên nhân chính khiến cho các tác phẩm còn tồn tại đến ngày nay không được bao nhiêu.

Khi Cao Bá Quát bị tội tru di tam tộc không ai dám lưu giữ cái gọi là yêu văn, nguy tích của kẻ tử tội vì sợ bị vạ lây. Tuy ta không bị nạn phần thư đốt sách, chôn học trò như dưới triều Tần Thủy Hoàng bên Tàu, nhưng tai họa lớn nhất đối với các tác phẩm vẫn là chiến tranh. Không

phải chỉ những cơn binh lửa đã thiêu hủy rất nhiều sách vở, mà còn thêm nạn quân Tàu, với chủ trương xóa bỏ nền văn hóa của ta, mỗi khi sang xâm chiếm đều thu góp đem về Trung Hoa. Những lần bị ngoại xâm sách vở mất mát không biết bao nhiêu mà kể.

Đời vua Trần Nghệ Tông (1370-1372) quân Chiêm Thành của Chế Bồng Nga vượt cửa bể Đại An chiếm thành Thăng Long vào cung hôi của, cướp phá khắp nơi, đốt sạch cung điện, sách vở của triều đình và các đại gia đều bị thiêu hủy. Đời nhà Hồ (1400-1407), sau khi quân Minh chiếm được nước ta năm 1407, Trương Phụ đã tịch thu các sách cổ kim chở về Kim Lăng. Chính vì thế mà văn học Lý, Trần hơn 300 trăm năm tàn mất gần hết, không còn lại bao nhiêu.

(Trần Bích San – Những trở ngại biên khảo văn học Hán Nôm)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Mở hàng 2

"Mở hàng nhẹ vía " hay "Nợ như Chúa Chỗm"

"Nợ như Chúa Chỗm". Đó là thành ngữ phổ biến để chỉ người lảm nợ. Nhưng tại sao Chúa Chỗm lại lảm nợ như vậy ? Truyền thuyết kể rằng: "Chỗm" là hàng cùng dân ở miền Thanh Hoá, chẳng có gia tài điền sản hay nghề ngỗng gì, quanh năm chỉ có đánh dậm, mò cua, bắt ốc nuôi thân. "Chỗm" tên thật là gì, quê quán ở đâu, bà con họ hàng thân thích có những ai ? Chẳng ai để ý đến. Một con người "Tứ như Chúa Chỗm" được.

Nguyên do: có mấy lần sáng sớm, Chỗm vào một quán nhỏ ăn lót dạ, tự nhiên những hôm đó chủ quán bán rất đắt hàng. Vì vậy, một đồn mười, mười đồn trăm, các chủ quán ai gặp Chỗm, cũng có nài Chỗm vào ăn quà lấy may. Ai được Chỗm hôm nào chiếu cố vào ăn thì hôm ấy đều bán được đắt hàng. Nhưng Chỗm làm gì có nhiều tiền để trả, người ta vui lòng mời Chỗm ăn, bao giờ có tiền trả cũng được, mà không có cũng thôi, do đó trong khắp vùng không ai mắc nợ nhiều bằng Chỗm.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi của vua Lê Cung Hoàng, dựng nên nhà Mạc. Đến nay 1532 Nguyễn Kim khởi nghĩa phò Lê chống Mạc, đi tìm hậu duệ tôn của vua Lê, tìm được Chỗm, mặc dầu khổ rách áo ôm, nhưng có khí tướng đế vương (người ta còn đồn đại rằng: Chỗm đi đâu cũng có đám mây che trên đầu, trời đang nắng gắt cũng trở nên âm mát...) Chỗm được phò lên ngôi vua mở đầu thời Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hoá (tức Tây đô) để chống với nhà Mạc ở Hà Nội (tức Đông đô).

Sau khi lên làm vua, không có điều kiện gần gũi quần chúng như trước, và cũng không nhớ nợ ai bao nhiêu mà trang trải nợ nần nữa, Chúa Chỗm (thực ra là vua Chỗm) đành phải hạ lệnh đúc thật nhiều tiền, rồi Chỗm đi đến đâu rải tiền ra đến đấy, cho công chúng ai nhanh tay, mạnh bước thì nhặt lấy. Vì thế nên mới có thành ngữ "Nợ như Chúa Chỗm".

TT Kh ơ mơ lỗ mỗ

Nếu biết rằng em đã lấy chồng
Xây đền, lập miếu cúng hồn vong
Nguyện cầu thập phương, tam thế cõi
Van vái cho em sớm...góa chồng

52 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

- Anh có biết gì về Hoàng Đạo, có ý nghĩ về Hoàng Đạo. Nói tóm lại, anh có viết được cho VẤN một bài về Hoàng Đạo không?

Tôi loáng thoáng nghe câu hỏi của Trần Phong Giao. Hoàng Đạo? Tôi biết gì về Hoàng Đạo?

Không, tôi không biết gì cả. Nhưng tôi nghĩ về Hoàng Đạo? Chẳng lẽ tôi không có ý nghĩ nào về nhà văn lớn ấy hay sao? Nhưng rồi thời gian qua đi. Câu hỏi của T.P.G được đặt ra đã được một năm. Tôi cũng có dịp nghĩ nhiều hơn, và đọc kỹ hơn, về Hoàng Đạo. Nhất là một hôm, giờ chông sách cũ, tôi gặp cuốn Chân dung Nhất Linh, rồi qua Nhất Linh, tôi nghĩ đến Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo còn giỏi hơn Nhất Linh! Nhiều người bảo tôi như thế. Người ta bảo Hoàng Đạo giỏi về sách lược, chiến lược. Có người nói Hoàng Đạo không may chết đi, nên Nguyễn Tường Tam mới dở dang sự nghiệp đấu tranh cách mạng. Người ta nói, tôi không biết có đúng không. Nhưng nhờ câu nói đó mà, hôm nay, tôi hiểu tại sao tôi không biết cảm phục Hoàng Đạo.

Tôi hiểu hố sâu nào ngăn cách, khiến cho tôi không thấy được hết giá trị của ông. Hố sâu đó chính là cái hố sâu ngăn cách những người (Nguyễn Mạnh Côn) theo học lý thuyết Mác-xít với những người chỉ nghiên cứu có nền văn minh của một dân tộc vừa tiến bộ, vừa tự do, là dân tộc Pháp hồi bấy giờ.

Thật là tự nhiên, tôi theo học mấy ông thầy tự họ lại là tín đồ của Karl Marx, tôi cũng bị thuyết phục rằng chế độ thực dân đầy rẫy bất nhân, và chế độ tư bản đầy rẫy bất công. Chế độ tư bản thực dân phải chết. Tôi giữ vững lập trường này được bốn, năm năm. Trong thời gian này, cố nhiên tôi không phục Hoàng Đạo.

Nhưng tôi vẫn phục Khái Hưng, Nhất Linh và vẫn thích đọc báo Phong Hóa, Ngày Nay. Nguyên nhân sự tôn sùng này hoàn toàn có tính chất văn nghệ.

(Hoàng Đạo và một tên hậu học - Nguyễn Mạnh Côn)

Chữ và nghĩa

Rất nhiều từ ngữ mà chúng ta cho là của người trong nước sau 75, thực ra là của Việt Nam trước đó. Vậy tiếng nào là tiếng của người Việt trước hay sau 75?

Bảo quản - Việt Nam Tự điển Lê Văn Đức: bảo thủ và quản xuất, giữ sổ bộ, đăng ký, điền thổ, cải chính và cấp phát bản sao

(Tâm Thanh – Chiêu hồi ngôn ngữ)

Chữ nghĩa lơ mơ lỗ mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

Hạnh kiểm

Theo soạn giả thì hạnh là nét na, đức hạnh; kiểm là tra xét; và, hạnh kiểm là tính nết và cách cư xử của một người. Chúng tôi thấy rằng, ở đây mà hiểu kiểm là tra xét thì thật không ổn, bởi vì, tra xét là một từ chỉ hành động, mà hạnh kiểm lại là một danh từ trừu tượng để chỉ một phẩm chất của con người. Và lại, thật khó nhận thấy mối liên quan giữa tra xét và tính nết của con người. Quả thật, chữ kiểm 檢 (trong từ hạnh kiểm 行檢) có mặt trong các từ kiểm tra, kiểm sát, v. v. và trong các trường hợp này, kiểm 檢 nghĩa là tra xét, tuy nhiên, nó còn có nhiều nghĩa khác.

Thật vậy, thời xưa, khi chưa có giấy, người Trung Quốc phải khắc chữ lên các thẻ tre để làm sách. Viết xong, họ dùng dây khâu chuỗi các thẻ tre ấy và bó lại rồi gắn đất sét lên chỗ nút dây và đóng dấu, con dấu đó gọi là **kiểm 檢**

Về sau, chữ kiểm này có thêm 6, 7 nghĩa khác nữa, trong đó có các nghĩa: bó buộc, là cách thức, là phẩm cách, rồi sau đó mới có thêm nghĩa mở rộng là tra xét, v.v., và cuối cùng, nghĩa tra xét lại trở thành nghĩa phổ biến nhất. Trong từ hạnh kiểm thì kiểm nghĩa là phẩm cách, là phẩm chất của con người.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Chùa Kim Liên

Trong thơ văn Phạm Đình Hổ, chùa Kim Liên bên cạnh nhà Hồ Xuân Hương, là nơi ông thường đi lại. Bài Quá Kim Liên Tự, trong Đông dã học ngôn thi tập của Phạm Đình Hổ ông viết: "Bèo dạt làm thân khách cố kinh, Kim Liên qua lại đã bao lần".

Trong Tang Thương ngẫu lục có bài ký tả cảnh chùa Kim Liên làng Nghi Tàm: " Mùa thu năm Đinh Tỵ (1797) tôi cùng các ông Nguyễn Thạch Hiên, Nguyễn Kính Phủ, Hoàng Hy Đổ đến văn cảnh chùa Kim Liên ở làng Nghi Tàm, nơi trụ trì cũ của hòa thượng Huệ (nội thị chúa Uy Vương). Bài viết ký bút hiệu Tùng Niên, có lẽ rằng Chiêu Hổ cùng các bạn đến thăm Cổ Nguyệt Đường và Xuân Hương ra về ghé thăm cảnh chùa Kim Liên.

Chuyện nhà Minh cướp sách đem về Tàu (II)

Câu hỏi kế tiếp người ta có thể nêu lên là cho đến những ngày hiện tại đã có tác phẩm nào của người Việt sau nhiều thế kỷ luân lạc đã được người ta khám phá ra dưới hình thức này hay hình thức khác chưa? Câu trả lời là có. Đó là *Việt Sử Lược* và *Thiên Uyển Tập Anh*. Hai cuốn sách này xuất hiện từ thời nhà Trần và đã được người sau chép hay viết lại. *Việt Sử Lược* đã bị thất truyền rất lâu, mãi đến thời Càn Long nhà Thanh (1736 – 1795) mới được đem in, nói là theo bản của tuần phủ Sơn Đông thu nhật được đem dâng lên vua với người hiệu đính là Tiền Hi Tộ, người Giang Tô, người đã san định bộ *Thủ Sơn Các Tùng Thư*. *Việt Sử Lược* được lưu trữ ở *Thủ Sơn Các Tùng Thư* và ở *Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư* của nhà Thanh và đã được nhiều nhà xuất bản Trung Quốc ấn hành. Giáo Sư Trần Quốc Vượng đã phiên dịch sang Việt ngữ, giới thiệu và chú giải. Trong bản dịch này Trần Quốc Vượng có nói tới *Thiên Uyển Tập Anh* khi ông bàn về việc các người họ Lý bị đổi thành họ Trần, nhưng đến Lê Mạnh Thát thì sau khi đối chiếu nội dung của *Thiên Uyển Tập Anh* với *An Nam Chí Nguyên*, nhà học giả Phật giáo uyên thâm này đã khẳng định là: “*Khi quân Minh đánh chiếm được nước ta vào năm 1407, Thiên Uyển Tập Anh đã bị chúng thu gom và sau này được dùng một phần để viết An nam chí nguyên.*”

“Từ điển” của một người Bắc vào Nam sau 75

Bình thủy = phích nước

Bo bo xì = nghỉ chơi không quen nữa

(động tác lấy tay đập đập vào miệng vừa nói của con nít)

(Nhớ đâu viết đấy... - Nguyễn Văn Trường)

Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết

Trong *Việt Nam Văn Học Sử* của Dương Quảng Hàm chép truyện cụ Trọng trình Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Tàu, gặp lúc công chúa Tàu chết, cụ đọc bài văn tế trong đó có câu “Mây tán, tuyết tan, hoa tàn, nguyệt tận!...Xin kính hưởng” được vua Tàu khen và đi vào văn học sử nước nhà.

Tuy nhiên theo Kiến Văn Tiểu Lục của cụ Quế đường Lê Quý Đôn thì của bài thơ trên trong sách Thuyết Phu kể chuyện Dương Ưc, đời Tống khi làm văn tế hoàng hậu vua Tống Chân Tông là “Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết!...Phụng duy thượng hưởng”.

Leo heo

Leo heo : hiu hắt

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ và nghĩa

Hoành tráng - Với nghĩa là "có quy mô đồ sộ (nhằm thể hiện những đề tài lớn)". Từ này bị lạm dụng rất nặng. Bất cứ một điều gì cũng có thể được gán ghép với thuộc tính này. "Sân khấu" cũng "hoành tráng", mà vòng một hay vòng ba của một "nữ nhân" cũng có thể "hoành tráng". Trong một số văn cảnh, đôi khi, "hoành tráng" cũng có thể được dùng theo nghĩa "đẹp nước nở" hoặc "rực rỡ, tráng lệ", như: "Bức chân dung của em trông 'hoành tráng' quá". Nó cũng có thể là "căng đầy", "mập mạp", như, "Cái ví của anh hôm nay, sau khi lãnh lương, trông thật 'hoành tráng'", hay "Thân hình 'hoành tráng' của bà chủ, sau khi nạp vào bữa điểm tâm cũng 'hoành tráng' không kém, uốn éo đi ra khỏi cửa".

Và, còn gì "hoành tráng" nữa trong cuộc sống hôm nay?!!

(Bùi Vĩnh Phúc - Trên đường bay của chữ)

Hương ước



Hương ước là bản ghi chép các điều lệ liên quan đến dân cư sinh sống trong làng. Các điều lệ này hình thành dần trong lịch sử, được điều chỉnh khi cần thiết. Xưa, các điều ấy quen gọi là lệ làng. Hương ước không chỉ đề ra các hình thức trừng phạt với các việc làm trái mà còn đề ra những khen thưởng việc tốt, có ích cho làng. Như vậy, hương ước có vai trò với việc ổn định nếp sống trong làng, một phần dựa vào hình phạt mà cao nhất là đuổi khỏi làng.

Hương ước có nguồn gốc từ tục lệ làng, được văn bản hoá vào thế kỷ 15, xuất hiện phổ biến từ thế kỷ 17 trở đi, và được viết trên giấy, gỗ, bia đá hay những lá đồng. Nhìn chung, hương ước gồm: Các quan hệ trong làng xã. văn hoá, thờ cúng. Khen thưởng và xử phạt trong việc tuân thủ các quy ước của làng xã.

(Nguyễn Thanh Hải - Giá trị của hương ước)

Chữ Việt cổ

cái tần : cái bàn

(Phạm Xuân Độ)

Biên khảo văn học Hán Nôm (III)

Chính vì thiếu sót tài liệu mà các nhà biên khảo văn học thường gặp những nghi vấn và lập lại những sai lầm của nhau. Học giả Hoàng Xuân Hãn với các tài liệu chính xác và khả tín được dẫn chứng trong tác phẩm *Chinh Phụ Ngâm Bị Khảo* (nxb Minh Tân, Paris, 07/1953) đã làm sáng tỏ một nghi án lớn trong văn học Việt Nam: dịch giả tác phẩm của Đặng Trần Côn không phải là bà Đoàn Thị Điểm như mọi người vẫn lầm tưởng, mà Phan Huy Ích mới đích thực là tác giả những lời thơ bất hủ trong bản dịch *Chinh Phụ Ngâm* (bà Đoàn Thị Điểm cũng có dịch *Chinh Phụ Ngâm*, nhưng bản dịch của bà không phải là bản đã được ưạ chuộng và dùng trong chương trình giáo khoa).

Công trình khám phá của học giả Hoàng Xuân Hãn chỉ là một trường hợp thật hãn hữu, chúng ta còn rất nhiều những sai lầm, thiếu sót cần được hiệu chỉnh và bổ túc cho chính xác và đầy đủ hơn. Xin đơn cử vài thí dụ:

Dịch giả Bích Câu Kỳ Ngộ là vô danh hay Vũ Quốc Trân? Tác giả Nhị Độ Mai là vô danh hay Hồ Quốc Lộc (1734-1971)? Nguyễn Công Trứ mất năm 1858 hay 1859? Nguyễn Khuyến được sơ bổ Đốc Học Thanh Hóa hay Nội Các Thừa Chỉ? Phạm Quỳnh có ba năm sinh: 1890, 1891, 1892, năm nào đích thực là năm sinh của chủ bút Nam Phong? Bài văn tế Đại Úy

Francis Garnier là của Tam Nguyên Yên Đổ hay thực ra đó là bài văn tế Thiếu Úy Crevier do một nhà Nho ở Thái Bình làm?

Thành viên của Tự Lực Văn Đoàn có 7 người, nhưng căn cứ trên dòng chữ “Trong Tự Lực Văn Đoàn” đề dưới tên tác giả ngoài bì mỗi quyển sách của nhóm thì chỉ có 6 người là: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, còn người thứ 7 là ai?...

Điều hiển nhiên là trong lãnh vực biên khảo không một tác giả nào có thể tránh hết được các sai sót, không thể đính chính tất cả những sai lầm, đánh tan mọi nghi vấn văn học từ chữ Hán, chữ Nôm đến chữ Quốc Ngữ.

(Trần Bích San – Những trở ngại biên khảo văn học Hán Nôm)

Thiên thoại lơ mơ lỗ mỗ

Nghiệp còn nặng

Một tín nữ đem một lồng chim tới chùa, chú tiểu mừng rỡ nói:

- Để tôi phóng sinh cho.

- Tôi không có ý định phóng sinh ở đây, chỉ nhờ chú giữ giùm để ngày mai đem xuống chùa dưới phóng sinh trong dịp lễ ở đó.

Chú tiểu tiu ngưu than thầm:

- Đem chim rừng về lại phố, lại để đến ngày mai đi thêm cả buổi đường nữa, chắc... nghiệp bầy chim này còn nặng!

(Đỗ Hồng Ngọc)

Ca dao tình tự

Nói đến trai gái dan díu
Bướm bướm mà đậu cành hồng
Đã yêu cô chị lại bông cô em

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)

Đất lề quê thói với phong tục cổ truyền

Khai lão

Bây giờ đến bậc ăn dưng nhĩ,
Có rượu thì ông chống gậy ra.
(Nguyễn Khuyển)

Lên lão cũng phải khao. "Khao lão" không khó khăn như khao vị thứ đình trung. Lo đủ lễ là được, có mời thì mời phe giáp hay thôn xóm khắc đến, vì lên lão là quyền đương nhiên không phải cật cạng.

Những nhà giàu nhân dịp bày tiệc mừng thọ tế lễ, ăn uống linh đình. Tế sống cha mẹ, có văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con trai, gái, dâu, rể, cháu chắt, phân thứ bậc trên dưới đứng hai bên, nam bên trái, nữ bên phải, làm lễ tế ba tuần rượu, có tấu nhạc trọng thể, vui vẻ. Tế sống cha mẹ mỗi lần hai lạy, khác tế thần, tế tổ mỗi lần bốn lạy. Ở đất văn vật, bài văn tế chúc thọ thường là cả một công trình bút mực, có khi người trong vùng nô nức đến xem tế và nghe đọc văn.

Thành ngữ lơ mơ lỗ mỗ

Làm trai cờ bạc rượu chè

Vợ có lè nè ta ghè nó luôn

53 Chữ nghĩa làng văn xóm chữ

Tôi đã về hưu gần một năm nay. Tôi đọc lại những tác phẩm thời trẻ mình say mê. Kết quả: tôi thấy tuổi trẻ thật dễ tính, ăn thứ gì cũng thấy ngon, dù là một quả ổi xanh chấm muối. Những tác phẩm một thời mê hoặc bây giờ đọc lại thấy quá đơn giản, đơn giản như những chuyện đời xưa... Ngược lại, có những người và việc thời trẻ tôi cứ yên tâm như thế như thế, bây giờ đọc lại, mới thấy thành kiến của mình sai.

Như trường hợp nhà văn Hoàng Đạo.

Nhưng tôi nghĩ định giá Hoàng Đạo như một nhà văn là đã cư xử bất công đối với ông. Trong ba anh em (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam), ông là người từng trải, am hiểu thực trạng xã hội Việt Nam nhất; “phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn” nhất; có ý thức hành động rõ ràng nhất; nghĩa là ông có tất cả các tiêu chuẩn để trở thành một chính trị gia xuất sắc. Nhất Linh có hoạt động chính trị, nhưng hoạt động chính trị theo cung cách của một nhà văn. Hoàng Đạo có viết văn, nhưng viết văn theo cung cách của một người làm chính trị. Hai anh em bổ khuyết cho nhau, nên khi Hoàng Đạo mất đột ngột, Nhất Linh không thể hoạt động chính trị hữu hiệu được nữa. Ông liên tiếp gặp nhiều thất bại, muốn qui ẩn cũng không yên, nhiều khi tham dự trong cái thế bị động hơn là chủ động. Chính Nhất Linh về cuối đời cũng hối tiếc về chuyện theo chính trị mà bỏ bê văn chương.

Cho nên giá trị văn chương của Hoàng Đạo không thể tìm trong tiểu thuyết, mà ở những bài viết thuộc thể chính luận và phóng sự. Tôi nhận ra điều này nhờ đọc lại Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Động, và những nhận định chính trị Hoàng Đạo cho đăng trên Phong Hóa và Ngày Nay. Trong các thể loại (nặng về lý tính hơn cảm tính) này, chúng ta mới thấy hết cái thông minh, sắc sảo của Hoàng Đạo. Trong cái bể khổ mênh mông của đồng bào, nhất là những người dân quê suốt đời đói rét mà không có một tia hy vọng le lói ở chân trời, Hoàng Đạo chọn ra được những mẫu tiêu biểu nhất, sống động nhất, kiệm lời mà nói được nhiều nhất.

(Đọc lại Hoàng Đạo - Nguyễn Mộng Giác)

Ca dao lơ mơ lố mố

Đêm qua để cửa chờ chồng
Đêm nay để cửa chờ ông láng giềng.

Chuyện nhà Minh cướp sách đem về Tàu (III)

Cách đây vài năm, giáo sư tiến sĩ Lê Mạnh Thát viết: Việt Nam còn một cuốn sử mà ngay cả sử gia Ngô Sĩ Liên cũng không biết, đó là cuốn *Đại Việt Sử Lược* là bộ biên niên sử xưa nhất của ta. Ông giải thích bộ này được viết vào đời Trần và bị thất truyền ở Việt Nam vì khi giặc Minh vơ vét mọi sách vở, bia đá, bản gỗ có chữ mang về Tàu, đã mang theo cuốn này, cuối cùng năm 1776 nó lọt vào tay vua Càn Long nhà Thanh. Nay đang nằm trong *Tứ khổ toàn thư* ở Bắc kinh nhưng bị bỏ đi một chữ trong nhan đề, chỉ còn là "*Việt sử lược*".



Đại Việt Sử Lược

- Nhiều người cho rằng Đại Việt Sử Lược này là cuốn *Việt Chí* của Trần Phủ đầu đời Trần soạn với giai đoạn đời Trần thêm vào sau. Cuốn *Việt Chí* mà Lê Văn Hưu sử dụng để viết nên cuốn *Đại Việt Sử Ký* (*). Tuy nhiên, một số học giả Tây phương và Nhật Bản lại cho rằng *Đại Việt Sử Lược* chính là cuốn *Đại Việt Sử Ký* của Lê Văn Hưu thu gọn lại. Đó là một bộ sử Việt viết vào đời Trần mà người Việt đương thời không biết, mãi vài thế kỷ sau mới nghe đến tên nó.

(*) Từ *Đại Việt Sử Ký* của Lê Văn Hưu, sử thần Ngô Sĩ Liên đời Lê viết *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*.



Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.

(Lê Mạnh Hùng – Nhìn lại sử Việt)

Chữ nghĩa lơ mơ lố mỗ

Những sai lầm tai hại trong hai quyển *Từ điển từ và ngữ Việt Nam* và *Từ điển từ và ngữ Hán Việt* của Nguyễn Lân.

Hứng thú

Soạn giả giải thích rằng, hứng nghĩa là do cảm giác mạnh mà hăng hái lên, thú là xô về một hướng, rồi đi đến định nghĩa: hứng thú là cảm giác thích thú trước một sự việc.

Định nghĩa như vậy tuy không sai, nhưng chưa hay, vì đã phải dùng dùng từ “thích thú” để định nghĩa từ “hứng thú”. Nhưng, điều đáng chê trách hơn là ở chỗ soạn giả đã giải thích rằng, “thú” 趣 nghĩa là xô về một hướng. Tuy rằng chữ “thú” 趣 cũng có nghĩa là “xô về một phía” nhưng nó *còn có nghĩa là niềm vui thích*, và đó chính là nghĩa của nó trong từ “hứng thú”. Hứng thú nghĩa là niềm vui thích khiến người ta hăng hái thêm.

(Lê Mạnh Chiến & H.H.Phúc)

Léo

Léo : gian dối

(lắt léo)

khôn một người một léo, khéo một người một ý

(Tự điển tiếng Việt cổ - Nguyễn Ngọc San, Đinh Văn Thiện)

Chữ nghĩa làng văn

Đưa đũa ghét năm – Đưa tằm ghét mười.

Đây là một lời khuyên răn: Chẳng nên trao đũa và trao tằm trực tiếp cho ai cả. Có muốn chằng thì nên đặt đôi đũa hoặc chiếc tằm trên bàn cái đĩa, rồi để mặc cho người kia đưa tay nắm, lượm mà dùng theo ý của mình. Và đây là lời bàn thêm:

Câu này chỉ là tin nhảm hoặc mê tín (superstition) , đầu nhọn của đũa và tằm có thể gây thương tích cho nhau. Thế thường, đũa thì có đôi có cặp, còn tằm thì đơn độc lẻ loi. Cả hai thứ đều: đầu đuôi to nhỏ không đều nhau. Và đầu phải to hơn đuôi, cũng như người ta nói “đít không cao hơn đầu”, v..v..

(Thái Văn Kiểm – Kho tàng tiếng Việt)

Ca dao : Điệp âm

Điệp âm là lối chơi chữ từ Trung Hoa, các nhà nho ta đã mang dùng trong ca dao, làm cho âm hưởng của từ ngữ dài ra. Bài ca dao dưới đây đã tận dụng lối chơi chữ này:

*Năm năm, tháng tháng, ngày ngày
Lả lả, lữa lữa, rày rày, mai mai*

Hoặc giả như:

*Duyên duyên, ý ý, tình tình
Đây đây, đó đó, mình mình, ta ta
Năm năm, tháng tháng, ngày ngày
Chờ chờ, đợi đợi, rày rày, mai mai*

(Bùi Kim Chi – Khảo luận về ca dao dân ca)